

Tận dụng lợi thế dân số vàng



● Nguồn: Thạch Thảo/VNN

Trang: 3+4+5+6+7

Tuyên ngôn thể chế cho phát triển bằng trí tuệ Việt Nam

Năm 2025 ghi dấu mốc nổi bật của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) trên nghị trường Quốc hội khi 10 dự án luật quan trọng được thông qua, không chỉ tạo bước đột phá trong hoàn thiện thể chế mà còn khẳng định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là trụ cột trung tâm trong hoạch định chính sách phát triển quốc gia.



● Nhiều luật quy định các vấn đề liên quan đến KH-CN đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV. (Ảnh trong bài - Nguồn: MOST)



● Các sản phẩm Made in VietNam tại Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2025.

Việt Nam thuộc nhóm quốc gia tiên phong ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo

Trong tuần làm việc cuối của Kỳ họp thứ 10, Quốc hội đã thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo; Luật Chuyển đổi số; Luật Công nghệ cao (sửa đổi); Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi) và Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi).

Luật Trí tuệ nhân tạo lần đầu tiên đặt nền móng cho quản trị, phát triển và ứng dụng AI tại Việt Nam; Luật Chuyển đổi số hướng tới xây dựng dữ liệu mở, danh tính số và hệ sinh thái dịch vụ số toàn diện. Cùng với đó, việc sửa đổi các luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ được kỳ vọng tháo gỡ những “điểm nghẽn” lâu nay trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bảo hộ tài sản trí tuệ và nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có bộ khung pháp lý đầy đủ, thống nhất, có tầm nhìn dài hạn cho trụ cột tăng trưởng mới, nơi công nghệ, dữ liệu, tài sản trí tuệ, nhân lực chất lượng cao và năng lực đổi mới sáng tạo được đặt ở vị trí trung tâm.

Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo, đạo luật chuyên biệt đầu tiên về AI, đánh dấu việc Việt Nam trở thành một trong những quốc gia sớm nhất trên thế giới có luật riêng cho lĩnh vực này. Luật xác định rõ nguyên tắc quản lý theo mức độ rủi ro, khuyến khích đổi mới sáng tạo nhưng phải bảo đảm an toàn, an ninh, quyền con người và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Nhóm hành vi bị cấm được quy định chặt chẽ, bao gồm việc sử dụng AI để thao túng hành vi và nhận thức của con người, tạo nội dung giả nhằm lừa đảo hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp; lợi dụng trẻ em, người yếu thế hoặc các nhóm dễ tổn thương. Những hành vi gây phương hại đến an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội cũng bị xếp vào nhóm cấm tuyệt đối.

Luật phân loại hệ thống AI theo ba mức độ rủi ro: thấp, trung bình và cao, giảm một mức so với dự thảo trước đó để giúp doanh

ng nghiệp dễ triển khai hơn. Thay vì cơ chế tiền kiểm nặng nề, doanh nghiệp tự lập hồ sơ đánh giá an toàn trước khi triển khai, cơ quan quản lý thực hiện hậu kiểm nhằm tạo môi trường thông thoáng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo mà vẫn bảo đảm kiểm soát rủi ro.

Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh rằng trí tuệ nhân tạo là lĩnh vực mới, tốc độ phát triển nhanh và ảnh hưởng rộng đến kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quản trị quốc gia. Do đó, việc sớm có luật là cần thiết để chủ động nắm bắt cơ hội, đi trước một bước trong quản trị rủi ro. Bộ trưởng cho biết, quá trình xây dựng luật đã tham khảo kỹ kinh nghiệm quốc tế, kết hợp nhiều mô hình quản trị khác nhau nhưng có chọn lọc, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa phát triển và an toàn. Các nội dung kỹ thuật sẽ được quy định chi tiết bằng nghị định để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với tốc độ thay đổi chóng mặt của công nghệ.

Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh: “Muốn mạnh về AI, chúng ta phải mạnh về con người. Luật pháp có thể tạo khung, công nghệ có thể tạo công cụ, nhưng quyết định vẫn là con người - những người làm chủ công nghệ”. Theo Bộ trưởng, thể chế chỉ tạo nền móng, còn việc biến công nghệ thành giá trị, biến tri thức thành sức mạnh phụ thuộc vào năng lực, bản lĩnh và khát vọng của đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Luật có hiệu lực từ ngày 1/3/2026.

Cùng đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được thông qua cùng ngày 10/12/2025 đã đánh dấu một bước chuyển quan trọng: đưa quyền sở hữu trí tuệ trở thành loại tài sản có thể định giá, giao dịch, mua bán, thế chấp và khai thác như một nguồn lực kinh tế thực thụ. Chủ sở hữu có thể sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để thực hiện các giao dịch dân sự, thương mại và đầu tư; Nhà nước khuyến khích việc khai thác các tài sản trí tuệ này để góp vốn hoặc vay vốn theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư và tín dụng.

Trước đó, tại Kỳ họp thứ Chín, Quốc hội khóa XV đã thông qua 5 Luật do Bộ KH&CN chủ trì soạn thảo. Cụ thể, 5 luật gồm: Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật Công nghiệp Công nghệ số; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử, Bộ KH&CN. Theo TS. Trịnh Như Thủy - Giám đốc Ngân hàng mô DNA, Bệnh viện Quốc tế DNA, đây không chỉ là một sự kiện lập pháp mà còn là “tuyên ngôn về tầm nhìn quốc gia”, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tâm lý nghiên cứu, từ thận trọng với cơ chế cũ sang chủ động kiến tạo trong một hệ sinh thái được bảo đảm bằng luật pháp.

Luật cũng thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý sở hữu trí tuệ thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về bảo hộ và giá giao dịch tài sản trí tuệ, tự động hóa quy trình nghiệp vụ bằng AI để nâng cao hiệu quả bảo hộ và thương mại hóa. Việc giao dịch tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua các trung tâm đổi mới sáng tạo, với hệ thống định giá minh bạch, bảo đảm tính tham chiếu cho thị trường.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng, trọng tâm của lần sửa đổi này là chuyển tư duy từ “bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ” sang “tài sản hóa - thương mại hóa - thị trường hóa” kết quả nghiên cứu, biến tri thức thành giá trị kinh tế, tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới sáng tạo. Luật có hiệu lực từ 1/4/2026.

Nền tảng pháp lý cho giai đoạn bứt phá mới của Việt Nam

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, được thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ 1/4/2026, nhằm hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ hiệu quả, đồng bộ và tiệm cận xu hướng quốc tế. Luật rút gọn thủ tục hành chính, cập nhật danh mục công nghệ mới, công nghệ chiến lược, đồng thời mở rộng ưu đãi cho hoạt động chuyển giao.

Ba mức độ chuyển giao gồm: ứng dụng, làm chủ và nghiên cứu - phát triển, với chính sách ưu đãi tăng dần nhằm khuyến khích doanh nghiệp tiến tới làm chủ công nghệ. Nhà nước khuyến khích góp vốn bằng công nghệ được tạo ra từ kết quả nghiên cứu trong nước thông qua hỗ trợ thẩm định giá và xác lập quyền sở hữu. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng cho rằng quy định này sẽ khắc phục tình trạng “đóng băng” kết quả nghiên cứu, cho phép tri thức biến thành tài sản có giá trị giao dịch, đầu tư.

Cùng với đó, luật tăng cường kiểm soát chuyển giao công nghệ xuyên biên giới để bảo đảm an ninh công nghệ và thúc đẩy xuất khẩu công nghệ Việt Nam. Thị trường khoa

học công nghệ sẽ được phát triển theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp, lấy sàn giao dịch và các trung tâm công bố công nghệ làm hạt nhân kết nối cung - cầu. Luật Công nghệ cao (sửa đổi), gồm 6 chương và 27 điều, được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ 1/7/2026, xác định phát triển công nghệ cao và công nghệ chiến lược là đột phá để phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia. Luật cho phép áp dụng mức ưu đãi cao nhất về đầu tư, thuế, đất đai đối với các hoạt động công nghệ cao, đồng thời ưu tiên bố trí ngân sách cho R&D, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ chiến lược.

Điểm mới quan trọng của luật là tăng cường liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vững chắc, gắn nghiên cứu với sản xuất và thị trường. Nhà nước áp dụng cơ chế đặc thù để phát triển, nội địa hóa, làm chủ và ứng dụng công nghệ; hỗ trợ hình thành doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp chiến lược và startup công nghệ cao ngay tại Việt Nam.

Luật cũng mở rộng chính sách ưu đãi đối với nhân lực công nghệ cao, từ chuyên gia, nhà khoa học đến tổng công trình sư. Những chính sách này nhằm bảo đảm điều kiện sống và làm việc tốt nhất cho lực lượng nhân lực chiến lược nhóm quyết định khả năng làm chủ công nghệ của quốc gia.

Sáng 11/12, Quốc hội thông qua đạo luật thứ 10 trong tổng thể hệ thống thể chế do Bộ KH&CN chủ trì soạn thảo: Luật Chuyển đổi số. Luật xác định nguyên tắc quản lý, điều hành trên môi trường số là mặc định, trên giấy là ngoại lệ, đồng thời đặt ra yêu cầu mọi công dân, không phân biệt điều kiện kinh tế - xã hội, đều có quyền tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Luật quy định dịch vụ công trực tuyến phải thân thiện, chuẩn mực quốc tế, đa ngôn ngữ, hỗ trợ người khuyết tật, tương thích với nhiều thiết bị và bảo đảm khả năng tiếp cận cho người dân vùng sâu, vùng xa. Chuyển đổi số được xác định là “đột phá hàng đầu”, với ưu tiên gồm hạ tầng số, dữ liệu, nhân lực và hợp tác quốc tế.

Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng cho biết, Luật Chuyển đổi số được thiết kế theo hướng luật khung, quy định nguyên tắc và chính sách chung nhằm bảo đảm sự thống nhất trên phạm vi toàn quốc, tránh tình trạng cát cứ, phân mảnh. Luật tạo sự liên kết giữa các luật chuyên ngành, hình thành một cấu trúc thống nhất về quốc gia số, trong khi vẫn bảo đảm không can thiệp sâu vào lĩnh vực chuyên ngành. Đây cũng là đạo luật tháo gỡ nhiều khó khăn về thủ tục hành chính, tạo điều kiện để các cơ quan, địa phương đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số.

Việc hoàn thiện đồng bộ 10 đạo luật trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thể hiện rõ quyết tâm của Nhà nước trong việc đặt khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt của tăng trưởng. Khung pháp lý này không chỉ tạo hành lang thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà khoa học mà còn bảo đảm các hoạt động công nghệ, dữ liệu và AI được quản lý chặt chẽ, an toàn, đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

Với việc đồng loạt thông qua các đạo luật mới, Việt Nam không chỉ hoàn thiện nền tảng pháp lý mà còn khẳng định lựa chọn chiến lược: phát triển bằng khoa học - công nghệ, bằng đổi mới sáng tạo và bằng sức mạnh của trí tuệ con người Việt Nam trong kỷ nguyên số. Đây sẽ là bệ phóng quan trọng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, chủ động nắm bắt cơ hội từ AI, chuyển đổi số và công nghệ cao, tiến gần hơn tới mục tiêu quốc gia hùng cường vào năm 2045.

NGUYỆT THƯƠNG

TẬN DỤNG LỢI THẾ DÂN SỐ VÀNG

Cơ cấu dân số vàng vừa là cơ hội, vừa là thách thức

Với 70% dân số trong độ tuổi lao động, Việt Nam đang ở thời kỳ dân số vàng. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam đang có lực lượng lao động trẻ hùng hậu, đủ sức đóng góp thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh nếu chúng ta biết khai thác tối đa nguồn tài nguyên quý giá này. Nói cách khác, đây được xem là “cơ hội vàng” để tận dụng nguồn lao động trẻ dồi dào, tạo bứt phá về kinh tế, xã hội để phát triển, trở thành nước có nền công nghiệp hóa phát triển, thu nhập bình quân trên đầu người cao.

Nhìn lại gần 20 năm qua, kể từ khi bước vào thời kỳ dân số vàng, Việt Nam đã đạt được những thành quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. GDP bình quân đầu người ngày càng tăng, an ninh lương thực bảo đảm góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Sự kết hợp giữa quy mô dân số và cơ cấu dân số vàng mang lại nguồn lao động dồi dào cho tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đáng chú ý, tuổi thọ trung bình người dân tăng, mức sinh giảm, duy trì được mức sinh tiệm cận mức sinh thay thế. Điều này giúp tái cân bằng dân số và trẻ hóa lực lượng lao động...

Thời kỳ cơ cấu dân số vàng là cơ hội hiếm hoi để các quốc gia cất cánh về kinh tế. Theo các nhà nhân khẩu học, cơ cấu dân số vàng thường kéo dài từ 30 - 35 năm, thậm chí là 40 - 50 năm. Đối với Việt Nam, xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh, thời kỳ cơ cấu dân số vàng của Việt Nam được dự đoán chỉ kéo dài trong khoảng 30 năm. Vì thế, cơ cấu dân số vàng vừa là cơ hội, vừa là thách thức, đó là quan điểm của GS. TS Nguyễn Đình Cừ - một chuyên gia hàng đầu về dân số học tại Việt Nam.

Theo GS. TS Nguyễn Đình Cừ, mỗi năm nước ta có 1,6 triệu người bước vào độ tuổi lao động, tuy nhiên, lực lượng này có tới 70% là lao động giản đơn. Với tỷ lệ nguồn lực lao động chưa qua đào tạo còn lớn, thì sự thiếu hụt lao động có trình độ kỹ thuật cao trong các ngành thương mại, tài chính, ngân hàng, công nghệ là thách thức không nhỏ.

Để tận dụng tối đa nguồn nhân lực cơ cấu dân số vàng tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội, theo các chuyên gia về dân số học có 3 vấn đề cần quan tâm để phát triển nguồn nhân lực gồm: giáo dục đào tạo, nâng cao thể chất và vấn đề dân số.

Cụ thể, những chính sách đưa ra cần đồng bộ từ vĩ mô đến vi mô, từ các chính sách về kinh tế đến giáo dục, y tế, an sinh xã hội để tạo ra một lực lượng lao động với sức khỏe tốt, kỹ năng tốt; đầu tư nhiều hơn vào các vấn đề phúc lợi xã hội cho người cao tuổi, tránh để tới thời kỳ dân số già tăng nhanh sẽ gây sức ép rất lớn lên hệ thống phúc lợi xã hội.

Luật Dân số và chính sách đột phá để tận dụng lợi thế dân số vàng

● Sáng 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Quốc hội chính thức thông qua Luật Dân số. (Ảnh: Duy Linh)



● Cơ cấu dân số vàng vừa là cơ hội, vừa là thách thức. (Ảnh minh họa - Nguồn: TCCS)



● Theo Luật Dân số, vợ chồng được quyết định thời gian sinh con, số con. (Ảnh minh họa - Nguồn: ĐBND)

Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng từ năm 2007, ước tính kéo dài khoảng 30 - 35 năm. Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để tận dụng lợi thế dân số vàng, nhưng so với các nước đi trước thì vẫn còn chậm. Vì thế, khi Luật Dân số được thông qua ngày 10/12/2025 nhiều kỳ vọng được đặt ra tận dụng lợi thế dân số vàng để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh.

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cho công tác dân số, cần duy trì mức sinh thay thế bền vững, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số; tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số, trọng tâm là các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế bền vững trên phạm vi cả nước phù hợp giữa các vùng, miền...

Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới cũng đã nêu rõ, mục tiêu của công tác dân số trong tình hình mới chính là giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã

hội; duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số bền vững.

Bên cạnh đó, cần có những chính sách, cơ chế phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng cho nhu cầu của thị trường lao động; thúc đẩy tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho lực lượng lao động trẻ; bảo đảm an sinh xã hội cho người già và người dễ bị tổn thương; đồng thời nâng cao trình độ kỹ năng của người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn phát triển mới của đất nước...

Tựu trung lại, thực tiễn cho thấy, tận dụng cơ cấu dân số vàng đòi hỏi có những chính sách phù

Điều đáng lưu ý, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh, những người từ 60 tuổi trở lên tăng từ 11,9% tổng dân số (năm 2019) lên 13% (năm 2022) và dự báo hơn 25% (năm 2050). Khoảng năm 2038, Việt Nam kết thúc thời kỳ dân số vàng và chính thức chuyển sang giai đoạn dân số già.

hợp, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho lực lượng lao động trẻ, bảo đảm an sinh xã hội cho người già và người dễ bị tổn thương, bảo đảm bình đẳng giới. Cùng với đó, việc chuyển đổi kịp thời mục tiêu của chính sách dân số từ dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển là hết sức cần thiết, có thể làm chậm lại quá trình giảm sinh, dẫn tới làm chậm lại quá trình già hóa dân số, từ đó quốc gia có thêm quỹ thời gian và nguồn lực giải quyết những vấn đề đang đặt ra.

Đột phá để tận dụng lợi thế dân số vàng góc nhìn từ Luật Dân số

Ngày 10/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã bấm nút thông qua Luật

Dân số, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2026. Luật có nhiều điểm nổi bật không những để duy trì chính sách dân số phù hợp trong tình hình mới mà còn tận dụng được lợi thế dân số vàng để thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh.

Đơn cử, nhằm đưa ra giải pháp cấp thiết vực dậy mức sinh đang chạm đáy lịch sử (1,91 con/phụ nữ) và khắc phục chênh lệch mức sinh giữa các vùng miền, theo Luật Dân số, vợ chồng được quyết định thời gian sinh con, số con. Thay vì khuyến khích mỗi cặp đôi chỉ có từ 1 đến 2 con như quy định cũ, luật mới trao quyền tự quyết về thời điểm, số lượng và khoảng cách sinh. Quyết định này dựa trên điều kiện sức khỏe, thu nhập và hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình. Phụ nữ sinh con thứ hai được nghỉ thai sản 7 tháng (tăng một tháng so với hiện hành), trong khi người chồng được nghỉ 10 ngày để cùng chăm sóc gia đình. Cục Dân số, Bộ Y tế cho biết mức tăng này tương đương mức trung bình của khu vực, đã được tính toán kỹ lưỡng dựa trên nguồn lực quốc gia nhằm bảo đảm sức khỏe tốt nhất cho cả mẹ và bé.

Đặc biệt, chính sách sát sườn “các gia đình sinh đủ hai con sẽ được ưu tiên mua hoặc thuê nhà ở xã hội” của Luật Dân số sẽ giúp các cặp vợ chồng sớm an cư, giảm gánh nặng kinh tế để tập trung nuôi dạy con cái. Luật quy định, Nhà nước sẽ hỗ trợ tài chính cho phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi, người tại vùng có mức sinh thấp hoặc thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người. Đặc biệt, các gia đình sinh đủ hai con sẽ được ưu tiên mua hoặc thuê nhà ở xã hội.

Để giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính, Luật nghiêm cấm tuyệt đối việc lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức. Người có hành vi thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi nhằm mục đích phá thai sẽ bị đình chỉ hành nghề khám, chữa bệnh. Định kỳ hàng năm, cơ quan thống kê sẽ công bố số liệu liên quan để chính quyền các cấp xây dựng biện pháp can thiệp phù hợp.

Luật chú trọng phát triển nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi thông qua các chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng cho sinh viên chuyên ngành lão khoa, nhất là tại vùng khó khăn. Đồng thời, Nhà nước sẽ có cơ chế đãi ngộ đặc biệt để thu hút nhân viên y tế làm việc trong lĩnh vực này...

Việc ban hành Luật Dân số được kỳ vọng sẽ góp phần nâng hiệu lực của Pháp lệnh Dân số năm 2003 lên một tầm cao mới, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho chính sách dân số quốc gia trong giai đoạn phát triển mới, khi Việt Nam đồng thời đối diện mức sinh thấp, già hóa dân số nhanh và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

HỒNG MINH

Cơ cấu dân số vàng là thời kỳ mà tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 - 64 tuổi) chiếm tỷ lệ cao hơn tỷ lệ dân số phụ thuộc (dưới 15 và trên 64 tuổi). Vào thời điểm tháng 4/2023, Việt Nam đã đạt mốc 100 triệu dân; đã vượt mốc hơn 101 triệu dân

vào năm 2024. Với quy mô dân số lớn, cùng với các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển phù hợp, một môi trường chính trị ổn định, một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, Việt Nam đang là điểm đến, điểm đầu tư của bạn bè quốc tế.

TẬN DỤNG LỢI THẾ DÂN SỐ VÀNG

CHIẾN LƯỢC ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO:

“Mở khóa kho báu” dân số vàng



● Trong bối cảnh thế giới đang phát triển mạnh mẽ, nguồn nhân lực có chuyên môn sẽ giúp Việt Nam vững bước sánh vai với bạn bè quốc tế.



● Luật Dân số ban hành ngày 10/12/2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy và chính sách dân số của Việt Nam.

Việt Nam đang ở giai đoạn dân số vàng với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm ưu thế, mở ra cơ hội lớn cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tuy nhiên, lợi thế này không tự động chuyển hóa thành động lực phát triển nếu chất lượng nguồn nhân lực không được nâng cao. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với nhu cầu thị trường lao động đang trở thành yêu cầu cấp thiết để Việt Nam tận dụng hiệu quả cơ hội dân số vàng.

Dân số vàng nhưng chưa “vàng” về chất lượng nhân lực

Trong buổi làm việc mới đây của Mạng lưới Đổi mới sáng tạo và chuyên gia Việt Nam tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) với Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng, PGS.TS Nguyễn Phi Lê - điều hành Viện nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI4LIFE), Đại học Bách khoa Hà Nội chỉ ra, hiện nay số lượng chuyên gia thực sự hiểu sâu AI tại Việt Nam rất hiếm. Thiếu lực lượng này, sẽ không thể giải được những “bài toán” đặc thù như dự báo thời tiết, chống biến đổi khí hậu. Trong khi đó, so với thế giới, tỷ lệ sinh viên sau đại học trong nước chỉ khoảng 10 - 20%, rất thấp.

Thực tế, tại Việt Nam hiện nay, có rất nhiều ngành kinh tế, khoa học, nghệ thuật mũi nhọn đang thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Lấy ví dụ, ngành Du lịch, thống kê cho thấy, lao động có trình độ đại học và sau đại học chỉ chiếm 9,7%; sơ cấp, trung cấp, cao đẳng chiếm hơn 50%; dưới sơ cấp chiếm 39,3% và chỉ có 43% tổng số lao động được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về du lịch.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2024 có gần 615.000 thí sinh nhập học đại học, trong đó 25% chọn nhóm ngành kinh doanh và quản lý. Đây là khối có chỉ tiêu lớn, gồm marketing, quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, kế toán, kiểm toán... Tiếp đến là máy tính và công nghệ thông tin (IT - 12%), công nghệ kỹ thuật (9%),



● Việt Nam đang thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. (Ảnh trong bài: Hương Ngọc)

Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng từ khoảng năm 2007 và dự kiến kéo dài đến khoảng năm 2035. Trong giai đoạn này, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15 - 64 tuổi) chiếm trên 65% tổng dân số.

nhân văn (9%) và sức khỏe (6%); 39% còn lại phân bố ở 19 nhóm ngành khác.

Từ các nghiên cứu của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng từ khoảng năm 2007 và dự kiến kéo dài đến khoảng năm 2035. Trong giai đoạn này, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15 - 64 tuổi) chiếm trên 65% tổng dân số. Cụ thể, một năm trước đây, Việt Nam có khoảng 53 triệu người trong lực lượng lao động, tương đương hơn một nửa dân số cả nước. Đây là nguồn lực to lớn nếu được khai thác và sử dụng hiệu quả.

Tại Việt Nam, lợi thế về số lượng lao động dồi dào đã góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực thâm dụng lao động như dệt may, da giày, điện tử lắp ráp. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào lao động đại trà đang bộc lộ nhiều hạn chế. Năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Theo số liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng khoảng 60% của Thái Lan, 40% của Malaysia và chưa tới 10% của Singapore.

Một trong những nguyên nhân chính là chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tại Việt Nam còn tương đối

thấp. Phần lớn lao động vẫn làm việc trong khu vực phi chính thức, thiếu kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, khó thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục để không bỏ lỡ cơ hội vàng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tri thức ngày càng phát triển, nhu cầu về lao động chất lượng cao tăng nhanh. Các ngành như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, năng lượng tái tạo, logistics, tài chính - ngân hàng, y tế chất lượng cao đang thiếu hụt nghiêm trọng nhân lực có trình độ. Nếu không kịp thời nâng cao chất lượng đào tạo, Việt Nam có nguy cơ bỏ lỡ cơ hội “vàng”, thậm chí đối mặt với thách thức “chưa giàu đã già” khi dân số bắt đầu già hóa nhanh sau năm 2035. Để tận dụng hiệu quả lợi thế dân số vàng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cần được coi là một trong những đột phá chiến lược.

Việc Quốc hội ban hành Luật Dân số ngày 10/12/2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy và chính sách dân số của Việt Nam. Trong đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là một nội dung xuyên suốt, gắn chặt với giáo dục, đào tạo, y tế, việc làm và an sinh xã hội, nhằm tận dụng hiệu quả lợi thế dân số vàng và chủ động ứng phó với già hóa dân số.

Luật Dân số mới nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng con người Việt Nam cả về thể chất, trí tuệ, kỹ năng và đạo đức, coi đây là điều kiện quyết định để chuyển

hóa quy mô dân số lớn thành động lực tăng trưởng. Trong bối cảnh Việt Nam đang ở giai đoạn dân số vàng với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao, nếu không tập trung đầu tư cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, lợi thế này có nguy cơ bị bỏ lỡ khi quá trình già hóa diễn ra nhanh trong những thập niên tới.

Từ tinh thần của Luật Dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cần được triển khai đồng bộ ngay từ sớm. Trước hết, giáo dục phổ thông giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành thể lực, trí lực, kỹ năng cơ bản và năng lực học tập suốt đời cho thế hệ trẻ. Việc tăng cường giáo dục STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, trí tuệ nhân tạo tư duy sáng tạo và trách nhiệm công dân chính là bước chuẩn bị quan trọng cho lực lượng lao động tương lai có khả năng thích ứng với nền kinh tế số và xã hội tri thức.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3439/QĐ-BGDĐT ngày 15/12/2025 về việc ban hành Khung nội dung thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI) cho học sinh phổ thông. Học sinh có thể chọn các chuyên đề AI, các buổi học được tổ chức linh hoạt, hấp dẫn cho người học...

Ở bậc giáo dục nghề nghiệp và đại học, Luật Dân số tạo cơ sở pháp lý để gắn đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ dừng ở số lượng người có bằng cấp, mà quan trọng hơn là năng lực thực hành, khả năng đổi mới sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp. Do đó, cần đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, chú trọng các ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, y tế chất lượng cao, năng lượng xanh và logistics.

Bên cạnh đó, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động đang làm việc cũng đóng vai trò quan trọng. Trong bối cảnh tự động hóa và trí tuệ nhân tạo thay thế nhiều công việc giản đơn, hàng triệu lao động có nguy cơ bị đào thải nếu không được đào tạo lại. Các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến, học tập suốt đời cần được phát triển mạnh mẽ, với sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

Dân số vàng là cơ hội chỉ đến một lần trong lịch sử phát triển của mỗi quốc gia. Với Việt Nam, “cửa sổ cơ hội” này sẽ dần trôi qua theo thời gian. Chỉ khi nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kỹ năng, tri thức và khả năng sáng tạo, lợi thế về dân số mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài vấn đề đào tạo, giáo dục, việc phát triển nguồn nhân lực cần gắn bó chặt chẽ với chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc và thể lực người Việt Nam. Một lực lượng lao động chất lượng cao không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn cần có sức khỏe tốt, tinh thần bền bỉ và khả năng làm việc lâu dài trong bối cảnh tuổi thọ dân số ngày càng tăng.

Có thể khẳng định, Luật Dân số ban hành ngày 10/12/2025 không chỉ là văn bản điều chỉnh các vấn đề dân số thuần túy, mà còn là nền tảng chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần biến lợi thế dân số vàng thành sức mạnh nội sinh, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế quốc gia trong giai đoạn mới.

HƯƠNG NGỌC

Cần có sự đầu tư tương xứng của Nhà nước cho giáo dục và đào tạo. Theo khuyến nghị của UNESCO, chi cho giáo dục nên đạt khoảng 4 - 6% GDP. Việt Nam hiện duy trì mức chi tương đối cao, song cần phân bổ hiệu quả hơn, ưu tiên cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

TẬN DỤNG LỢI THẾ DÂN SỐ VÀNG

Tạo thị trường lao động linh hoạt để tận dụng lợi thế dân số vàng

Luật Dân số được thông qua ngày 10/12/2025 không chỉ thay thế Pháp lệnh Dân số 2003, mà đi kèm với sự ra đời của Luật còn là yêu cầu cấp thiết hoàn thiện thể chế và xây dựng một thị trường lao động linh hoạt, năng động và bền vững - mục tiêu thiết thực để chuyển hóa cơ cấu dân số thuận lợi thành nguồn nhân lực chất lượng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xã hội bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới.

Số lượng người trong độ tuổi lao động cao tác động đến thị trường lao động

Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng của năm 2025 cho thấy, lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động trong quý III/2025 đều tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 53,1 triệu người, tăng 556,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động có việc làm là 52,0 triệu người, tăng 552,3 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,22% và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,65%.

Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III/2025 là 29,5%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 29,1%, tăng 1,0 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước, điều này cho thấy chất lượng nguồn lao động đang dần được nâng cao.

Thống kê cũng cho thấy, tính chung 9 tháng năm 2025, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động (theo khái niệm của Cục Thống kê, người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động gồm những người có việc làm mong muốn làm thêm giờ; sẵn sàng làm thêm giờ; thực tế làm dưới 35



● Dân số Việt Nam đã vượt mốc hơn 101 triệu dân vào năm 2024, với cấu trúc dân số trẻ và lực lượng lao động đông đảo. (Nguồn: Vietnam News)

giờ/tuần) là 764,2 nghìn người, giảm 150,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,65%, giảm 0,34 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,24%, giảm 0,04 điểm phần trăm; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 1,92%, giảm 0,54 điểm phần trăm.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng (bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay) của Việt Nam thường dao động ở mức 4,0%. Tỷ lệ này tăng rất nhanh từ thời điểm quý I/2020 và đạt mức cao kỷ lục là 10,4% vào quý III/2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Quý III/2025, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là 3,4% (tương ứng khoảng 1,83 triệu người). Tính chung 9 tháng năm 2025, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là 3,7%, giảm 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị là 3,6% giảm 0,2 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 3,8%, giảm 0,8 điểm phần trăm...

Những con số từ tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng của năm 2025 cho thấy thực tế thị trường lao động Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ trên cơ sở tỷ lệ người trong độ tuổi lao động rất cao.

Nhưng hiện nay, trong bối cảnh việc làm theo hợp đồng ngắn hạn, làm việc tự do (freelance - là hình thức cá nhân làm việc độc lập, không thuộc biên chế cố định của bất kỳ công ty nào, nhận dự án từ nhiều khách hàng khác nhau và tự chủ về thời gian, địa điểm làm việc, được trả công theo sản phẩm hoặc dự án hoàn thành, thay vì lương cố định - PV), nền kinh tế nền tảng (platform economy - là mô hình kinh doanh hiện đại, tập trung vào các nền tảng kỹ thuật số như ứng dụng, website... để kết nối nhiều nhóm người dùng (người mua/bán, người cung cấp/sử dụng dịch vụ nhằm tạo ra giá trị, sản phẩm, dịch vụ mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số, vận hành dựa trên Internet, dữ liệu và công nghệ để giảm chi phí, tăng hiệu quả và thay đổi cách thức kinh doanh truyền thống - PV) ngày càng phổ biến, đặt ra yêu cầu cấp thiết về chính sách lao động linh hoạt, thì việc tận dụng hợp lý nguồn nhân lực này vẫn còn là vấn đề phải bàn.

Thể chế và thị trường lao động linh hoạt - yếu tố quyết định

Trước khi Luật Dân số 2025 có hiệu lực vào ngày 10/12/2025, dân số Việt Nam đã vượt mốc hơn 101 triệu dân vào năm 2024, với cấu trúc dân số trẻ và lực lượng lao động đông đảo. Đây là thời kỳ dân số vàng, được hiểu là giai đoạn dân số trong đó tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao hơn đáng kể so với người phụ thuộc (trẻ em và người cao tuổi), tạo ra nguồn lực lao động to lớn cho phát triển kinh tế. Đây là nền tảng, cơ hội cho Việt Nam tận dụng để tăng trưởng và phát triển.

Nhưng dân số vàng là “cơ hội có điều kiện” vì cơ hội chỉ trở thành lợi thế thực sự khi thể chế và thị trường lao động được thiết kế linh hoạt, phù hợp với bối cảnh mới. Để tận dụng được cơ hội “dân số vàng” đòi hỏi Chính phủ cần có những chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, tăng năng suất lao động.

Có thể thấy những vấn đề đang được đặt ra để biến dân số vàng thành “dân số vàng chất lượng cao” như: hoàn thiện thể chế và chính sách (cơ chế pháp lý cho các hình thức làm việc mới (làm việc từ xa, bán thời gian, hợp đồng ngắn hạn),

bảo vệ quyền lợi người lao động, nhưng vẫn khuyến khích sử dụng lao động linh hoạt); đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, lao động để doanh nghiệp dễ tuyển dụng và người lao động dễ tìm việc; mở rộng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, hưu trí linh hoạt (đóng góp theo thu nhập), hỗ trợ người lao động khi chuyển đổi việc làm, người cao tuổi; khuyến khích đổi mới sáng tạo (chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển đổi số, tạo việc làm chất lượng cao...).

Cạnh đó, việc xây dựng thị trường lao động linh hoạt và hiệu quả cũng rất quan trọng thông qua nâng cao kỹ năng và đào tạo nghề (bao gồm đào tạo lại sát với nhu cầu doanh nghiệp, tập trung vào kỹ năng số, kỹ năng mềm); gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, doanh nghiệp và người lao động; phát triển thị trường lao động số; khuyến khích di chuyển lao động giữa các vùng, địa phương để tìm việc làm phù hợp, giảm áp lực thất nghiệp cục bộ; đa dạng hóa hình thức việc làm qua mô hình kinh tế chia sẻ, việc làm tự do...

Tại Việt Nam, trong năm 2025, một loạt cải cách về thị trường lao động đang được thực thi, nổi bật là việc sửa đổi Luật Lao động và Luật Việc làm, hướng tới mở rộng tham gia bảo hiểm xã hội và thị trường lao động chính thức cho nhiều nhóm lao động. Những thay đổi này nhằm tới thúc đẩy cơ hội việc làm linh hoạt hơn, đặc biệt cho lao động trẻ - nhóm chiếm tỷ lệ lớn trong dân số vàng.

Đi cùng với thị trường lao động linh hoạt, hệ thống an sinh xã hội cũng mở rộng để bảo vệ lao động không truyền thống. Bài toán bao phủ bảo hiểm xã hội cho người lao động nằm trong hợp đồng ngắn hạn, bán thời gian hay tự do là yêu cầu cấp thiết nhằm giảm rủi ro thất nghiệp và an sinh trong bối cảnh chuyển dịch nghề nghiệp nhanh. Theo các chuyên gia, việc phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là một trong những giải pháp trọng tâm để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm người lao động không bị “mất bảo hiểm” khi họ thay đổi hoặc lựa chọn công việc linh hoạt hơn trong tương lai...

Có thể khẳng định, Luật Dân số không hoạt động độc lập mà liên kết chặt chẽ với các chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, bao gồm giáo dục nghề nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách giáo dục và chính sách thu hút đầu tư. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã chủ động xây dựng chính sách dân số gắn liền với chiến lược phát triển lao động và an sinh bền vững. Sự liên kết này tạo điều kiện để chuyển hóa dân số vàng thành “vàng kinh tế” thông qua đào tạo kỹ năng, nâng cao chất lượng lao động và gia tăng năng suất lao động.

Do đó, tại Việt Nam, việc đồng bộ hệ thống pháp luật về dân số với các luật liên quan đến lao động, đào tạo nghề, bảo hiểm và an sinh xã hội sẽ tạo ra một khung thể chế toàn diện, bảo đảm tính ổn định, minh bạch và hiệu quả trong quản lý nguồn nhân lực.

Việc Quốc hội thông qua Luật Dân số là bước thể chế quan trọng trong tổng thể cải cách, khẳng định quyết tâm của Quốc hội và Chính phủ trong việc hướng đến phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của Nhân dân và thị trường lao động thế hệ mới. Để tận dụng lợi thế dân số vàng, không gì quan trọng hơn việc hoàn thiện thể chế và tạo ra một thị trường lao động linh hoạt, hiện đại và nhân văn. Luật Dân số và các chính sách liên quan sẽ là trụ cột để xây dựng nền kinh tế năng động, bền vững và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới.

HỒNG MINH



● Chuyển hóa cơ cấu dân số thuận lợi thành nguồn nhân lực chất lượng, bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới. (Ảnh minh họa - Nguồn: VGP)

TẬN DỤNG LỢI THẾ DÂN SỐ VÀNG

Cải thiện mức sinh thấp kỷ lục để kéo dài thời kỳ dân số vàng

Việt Nam đang đối mặt với xu hướng mức sinh thấp, chạm ngưỡng thấp kỷ lục vào năm 2024 khi tổng tỷ suất sinh giảm còn 1,91 con/phụ nữ. Mức sinh giảm sâu trong nhiều năm cùng với tốc độ già hóa diễn ra nhanh kéo theo hàng loạt thách thức, bao gồm nguy cơ đánh mất lợi thế dân số vàng. Trong bối cảnh đó, cải thiện mức sinh thấp kỷ lục được xem là giải pháp hữu hiệu giúp kéo dài và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng.

Nguy cơ đánh mất lợi thế dân số vàng

Một quốc gia được xem là bước vào thời kỳ dân số vàng khi dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 64 tuổi) nhiều gấp 2 lần dân số phụ thuộc (dưới 15 tuổi và trên 64 tuổi) hoặc tỷ số phụ thuộc chung dưới 50%. Thời kỳ này thường kéo dài từ 30 đến 35 năm, thậm chí có thể lâu hơn và chỉ xảy ra một lần duy nhất trong lịch sử nhân khẩu học của mỗi quốc gia. Vì vậy, nếu biết khai thác và phát huy hiệu quả lợi thế lực lượng lao động trẻ dồi dào, thời kỳ dân số vàng sẽ trở thành cơ hội để bứt phá, phát triển nhanh.

Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng từ năm 2007 và ước tính kéo dài khoảng 30 - 35 năm. Đồng nghĩa với việc từng đây năm, Việt Nam sở hữu lực lượng lao động trẻ dồi dào có khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế cho thấy, kể từ khi bước vào thời kỳ dân số vàng, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu mà không phải quốc gia nào khi bước vào thời kỳ này cũng làm được.

Tuy nhiên, chừng đó vẫn chưa đủ nếu Việt Nam muốn tận dụng tối đa cơ hội dân số vàng mang lại. Dù đã đi qua hơn nửa chặng đường, việc khai thác và phát huy hiệu quả lợi thế lực lượng lao động trẻ vẫn còn nhiều hạn chế, nền kinh tế vẫn nằm trong nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Thời kỳ dân số vàng đang



● Cải thiện mức sinh thấp kỷ lục được xem là giải pháp hữu hiệu giúp kéo dài và phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng. (Ảnh minh họa: PV)

có nguy cơ mất giá vì chính sách nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển. Nếu không có sự thay đổi, khi thời kỳ dân số vàng khép lại, viễn cảnh người Việt Nam rơi vào tình trạng “chưa giàu đã già” là điều khó tránh khỏi.

Viễn cảnh này ngày càng hiện hữu khi Việt Nam đang bước vào giai đoạn biến động dân số mạnh mẽ với hai xu hướng song hành: tốc độ già hóa diễn ra nhanh chưa từng có và mức sinh giảm sâu. Tốc độ già hóa dân số tăng nhanh khiến Việt Nam trở thành một trong những nước có tốc độ già hóa nhanh nhất châu Á, thời gian chuyển từ giai đoạn già hóa dân số sang dân số già ngắn hơn so với các nước khác. Dự báo đến năm 2038, nghĩa là chỉ còn hơn 10 năm nữa, nước ta sẽ bước vào thời kỳ dân số già.

Cùng lúc đó, Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm mạnh của mức sinh, đặc biệt tập trung tại các đô thị lớn. Năm 2021, tổng tỷ suất sinh của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đạt khoảng 2,11 con. Đến năm 2024 con số này giảm xuống chỉ còn 1,91 con/phụ nữ - mức sinh thấp nhất từ trước tới nay và là năm thứ 3 liên tiếp giảm dưới mức sinh thay thế (năm 2022 là 2,01 con/phụ nữ; năm 2023 là 1,96 con/phụ nữ). Đáng lo ngại hơn, dự báo mức sinh sẽ tiếp tục giảm sâu trong những năm tiếp theo.

Sự giao thoa của hai xu hướng này tác động trực tiếp, sâu sắc tới quy mô dân số, cơ

cấu dân số, tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi giảm, tỷ trọng người già ngày càng tăng, giai đoạn dân số vàng dần khép lại nhanh hơn. Chưa kể, nếu không duy trì được mức sinh thay thế, dự báo tỷ lệ tăng dân số sẽ tiếp tục giảm và đạt trạng thái “dừng” vào giai đoạn 2064 - 2069.

Điều này đồng nghĩa với việc đặt ra hàng loạt thách thức lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả nguy cơ đánh mất lợi thế dân số vàng. Khi đó, các lợi thế về lực lượng lao động trẻ vốn giúp Việt Nam phát triển nhiều năm qua dần biến mất, trong khi hệ thống an sinh xã hội và chăm sóc y tế phải đối mặt với áp lực ngày càng gia tăng.

Phản ứng chính sách kịp thời

Việt Nam đang trong quá trình già hóa dân số, song thời kỳ dân số vàng vẫn được dự báo kéo dài đến năm 2037. Đây là “khoảng thời gian quý giá” để đất nước tận dụng lợi thế nhân khẩu học vốn chỉ xảy ra một lần duy nhất. Để kéo dài và phát huy hiệu quả lợi thế thời kỳ này, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó việc cải thiện mức sinh thấp kỷ lục được xem là giải pháp then chốt. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó cần nhìn thẳng vào những nguyên nhân sâu xa của thực trạng này.

Kết hôn được 5 năm, T.T (31 tuổi) và M.A (28 tuổi), hiện sinh sống tại Hà Nội, thường xuyên nhận được lời khuyên từ gia đình, bạn bè về việc sinh thêm con để “có anh, có em”.

Song hai vợ chồng vẫn thống nhất chỉ dừng lại ở một con. “Không phải chúng tôi không muốn sinh thêm, mà là chưa đủ tự tin về điều kiện kinh tế cũng như khả năng chăm sóc để nuôi dạy thêm một đứa trẻ thật tốt. Trong bối cảnh chi phí sinh hoạt, nuôi con ngày càng tăng, cùng áp lực cắt giảm nhân sự, thu nhập không ổn định, vợ chồng tôi buộc phải cân nhắc kỹ và quyết định chỉ sinh một con”, T.T chia sẻ.

Câu chuyện của gia đình T.T và M.A cũng là bức tranh thu nhỏ của nhiều gia đình trẻ trong xã hội hiện nay. Thực trạng mức sinh thấp đã và đang phản ánh nhiều bất cập trong đời sống xã hội, từ áp lực kinh tế do chi phí sinh hoạt ngày càng tăng, đến sự thay đổi trong quan niệm về hôn nhân, gia đình. Cùng với đó, sự bùng nổ của công nghệ và lối sống hiện đại khiến không ít người trẻ lựa chọn trì hoãn, thậm chí từ bỏ việc lập gia đình và sinh con. Mức sinh thấp cũng cho thấy các chính sách, giải pháp hiện nay chưa đủ mạnh để tháo gỡ những rào cản thực tế như chi phí nuôi dạy con, áp lực nhà ở và gánh nặng sự nghiệp, những yếu tố đang đè nặng lên các gia đình trẻ.

Thực tế đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng và triển khai đồng bộ những chính sách mang tính căn cơ, thực chất hơn, trong đó trọng tâm là tạo lập môi trường thuận lợi để người trẻ “muốn sinh và dám sinh”. Trong bối cảnh đó, Luật Dân số mới được Quốc hội

thông qua ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ 1/7/2026, được xem là phản ứng chính sách kịp thời nhằm thể chế hóa các giải pháp phù hợp với mục tiêu duy trì mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ).

Trước hết, Luật Dân số bổ sung quy định bãi bỏ cụm từ “Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con” tại khoản 1 Điều 43 của Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân. Như vậy, thay vì khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1 đến 2 con như quy định cũ, luật mới trao quyền tự quyết về thời điểm, số lượng và khoảng cách sinh.

Ngoài chuyên đổi tư duy bằng cách công nhận quyền tự quyết định sinh sản, Luật Dân số còn tập trung vào 3 trụ cột hỗ trợ chính: tài chính và lao động, nhà ở và dịch vụ công, nâng cao chất lượng dân số. Theo quy định mới, trong trường hợp sinh con thứ hai, thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ là 7 tháng; lao động nam là 10 ngày làm việc khi vợ sinh con.

Luật cũng nêu rõ sẽ có hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người; hỗ trợ tài chính khi sinh con với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người; phụ nữ tại các địa phương có mức sinh dưới mức sinh thay thế hoặc phụ nữ sinh đủ 2 con trước 35 tuổi. Theo báo cáo của Bộ Y tế, mức hỗ trợ tài chính đối với các đối tượng nói trên dự tính là 2 triệu đồng/phụ nữ. Với mức này, dự kiến tổng kinh phí ngân sách nhà nước chi trực tiếp khoảng 2.100 tỉ đồng/năm.

Ngoài các chính sách nêu trên, luật cũng quy định người sinh đủ 2 con được ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội. Chế độ ưu tiên được thực hiện theo pháp luật về nhà ở. Để thực hiện chính sách ưu tiên, Luật Dân số 2025 cũng bổ sung đối tượng “người có từ 2 con đẻ trở lên” vào Điều 76 Luật Nhà ở 2023 quy định về đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội. Người sinh 2 con trở thành đối tượng thứ 13 hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

Có thể thấy, việc thông qua Luật Dân số đã nâng tầm công tác dân số, từ Pháp lệnh Dân số năm 2003 lên một đạo luật có hiệu lực pháp lý cao hơn, phù hợp với bối cảnh phát triển mới của đất nước. Quan trọng hơn, luật đánh dấu sự chuyển hướng căn bản trong chính sách dân số của Việt Nam, từ trọng tâm kế hoạch hóa gia đình sang tiếp cận dân số và phát triển, giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số, thích ứng quá trình già hóa dân số, đồng thời kéo dài và phát huy hiệu quả lợi thế thời kỳ dân số vàng gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

LINH CHI

TẬN DỤNG LỢI THẾ DÂN SỐ VÀNG

Già hóa dân số đến nhanh chưa từng có

Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), một quốc gia được coi là bước vào giai đoạn “bắt đầu già” khi tỷ lệ người cao tuổi chiếm từ 10% dân số và chính thức trở thành xã hội “già” khi con số này đạt 20%. Với quy định người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, Việt Nam hiện nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ già hóa nhanh hàng đầu châu Á và thế giới.

Hơn 60 năm qua, Việt Nam đã chứng kiến sự suy giảm mạnh mẽ của tốc độ tăng dân số. Từ mức rất cao 3,9% năm 1960, tỷ lệ tăng dân số đã giảm xuống 1,14% năm 2019 và chỉ còn khoảng 0,95% vào năm 2021. Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, nếu duy trì mức sinh trung bình, đến năm 2069 tỷ lệ tăng dân số của Việt Nam sẽ về 0; còn trong kịch bản mức sinh thấp, chỉ khoảng hơn 30 năm nữa, Việt Nam có thể bước vào tình trạng tăng trưởng dân số âm.

Cùng với đó là sự gia tăng nhanh chóng của nhóm người cao tuổi. Ông Lê Thanh Dũng, Cục trưởng Cục Dân số (Bộ Y tế) cho biết, nếu như năm 2009 cứ khoảng 3 trẻ em dưới 15 tuổi mới có 1 người từ 60 tuổi trở lên, thì đến năm 2019, tỷ lệ này đã rút ngắn còn 2 trẻ em/1 người cao tuổi. Năm 2019, người từ 60 tuổi trở lên chiếm gần 12% dân số và dự báo sẽ vượt mốc 25% vào năm 2050. Đặc biệt, năm 2036, Việt Nam sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già, chuyển từ xã hội “già hóa” sang xã hội “già”.

Điều đáng lo ngại là tốc độ chuyển đổi này diễn ra quá nhanh. Trong khi nhiều quốc gia phát triển phải mất từ 50 đến 70 năm, thậm chí hàng thế kỷ, để chuyển từ già hóa sang dân số già, thì ở Việt Nam, quá trình này chỉ diễn ra trong khoảng hơn 20 năm. “Đây là thách thức rất lớn, bởi nền kinh tế của chúng ta vẫn đang trong giai đoạn phát triển, chưa kịp chuẩn bị đầy đủ các mạng lưới an sinh xã hội phù hợp cho một xã hội nhiều người cao tuổi”, ông Lê Thanh Dũng nhấn mạnh.

Theo GS Nguyễn Đình Cử, nguyên Viện trưởng Viện Dân số và các vấn đề xã hội (Đại học Kinh tế Quốc dân), xã hội ít trẻ em, nhiều người già sẽ kéo theo sự suy giảm lực lượng lao động, trong khi nhu cầu chăm sóc và chi tiêu an sinh ngày càng lớn. “Xã hội sẽ rơi vào tình trạng thu ít mà chi nhiều”, ông nhận định.

Thực tế hiện nay cho thấy chất lượng sống của người cao tuổi Việt Nam còn thấp. Phần lớn người cao tuổi sống ở nông thôn, không có thu nhập ổn định, tuổi thọ cao nhưng đi kèm với nhiều bệnh tật mãn tính. Chỉ khoảng 20% người cao tuổi có lương hưu; nếu tính cả trợ cấp xã hội, tỷ lệ này cũng chưa đến 50%. Khi mất sức lao động, đa số người cao tuổi vẫn phải phụ thuộc vào con cái, trong bối cảnh mô hình gia đình ngày càng thu nhỏ và con cái phải đối mặt với áp lực kinh tế lớn.

PGS.TS Nguyễn Trung Anh, Giám đốc Bệnh viện Lão khoa

GIÀ HÓA DÂN SỐ NHANH:

Thách thức an sinh và “lời giải” từ Nghị quyết 72-NQ/TW

Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ thuộc nhóm nhanh nhất thế giới, trong khi nền kinh tế và hệ thống an sinh xã hội vẫn trong quá trình hoàn thiện. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị được kỳ vọng sẽ mở ra cách tiếp cận mới: chuyển từ “sống lâu” sang “sống khỏe”, từ ứng phó thụ động sang quản trị chủ động già hóa dân số.



● Viện dưỡng lão thường xuyên tổ chức sự kiện giải trí, xã hội, sinh nhật... để đem đến niềm vui cho các cụ. (Nguồn: Viện Dưỡng lão Bình Mỹ)

Trung ương cho biết, mỗi người cao tuổi ở Việt Nam trung bình phải sống khoảng 14 năm cuối đời với nhiều bệnh tật phối hợp. Người trên 60 tuổi thường mắc 3 - 4 bệnh mãn tính; người trên 80 tuổi có thể mắc tới 7 bệnh, phổ biến là bệnh tim mạch, chuyển hóa, hô hấp, sa sút trí tuệ. Trong khi đó, tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt chỉ khoảng 64 tuổi, thấp hơn nhiều so với tuổi thọ trung bình.

Già hóa dân số nhanh đang tạo sức ép lớn lên hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt là quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm y tế (BHYT). Chi ngân sách cho an sinh xã hội hiện đã chiếm gần 30% tổng chi thường xuyên của Nhà nước và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong bối cảnh dân số già hóa. Bên cạnh đó, mô hình gia đình ít con khiến gánh nặng chăm sóc người cao tuổi dồn lên nhóm lao động trung niên, cả về tài chính lẫn tinh thần, trong khi hệ thống chăm sóc dài hạn và dưỡng lão vẫn còn thiếu và yếu.

Một khảo sát của Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2022 cho thấy, khoảng 67% người trong độ tuổi 30 - 44 mong muốn độc lập khi về già, không phụ thuộc vào con cái. Tuy nhiên, chỉ chưa đến 30% trong số họ thực sự có kế hoạch chuẩn bị cho tuổi già. Đáng chú ý, nhiều người cho rằng chỉ nên bắt đầu chuẩn bị tài chính từ sau 40 hoặc 50 tuổi, một mốc được các chuyên gia đánh giá là quá muộn.

Thực tế, nhiều quốc gia đã chuyển thách thức thành cơ hội thông qua mô hình “già hóa tích cực” và phát triển “nền kinh tế bạc”. Trong khi, người cao tuổi



● Tổng Bí thư Tô Lâm thăm hỏi Mẹ Việt Nam Anh hùng Lê Thị Sáu ở Nghệ An, hồi tháng 5. (Nguồn: TTXVN)



● Người dân xã Tiến Thắng (Hà Nội) đến khám bệnh miễn phí với nhiều chuyên khoa, tầm soát các bệnh lý và sàng lọc sớm bệnh tiểu đường, rối loạn mỡ máu... (Nguồn: TTXVN)

Tổng Bí thư Tô Lâm đã đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu xây dựng các mô hình chăm sóc, “chống cô đơn cho người già”, như trung tâm chăm sóc ban ngày, mô hình “sáng đón - chiều trả”, nơi người cao tuổi được giao lưu, vận động, sinh hoạt cùng bạn bè đồng trang lứa. Đây là hướng tiếp cận nhân văn, phù hợp với xu thế già hóa tích cực trên thế giới, đồng thời giảm áp lực chăm sóc cho gia đình và xã hội.

Việt Nam ngày càng năng động hơn, tham gia lao động, hoạt động xã hội, khuyến học, tư vấn chính sách và các phong trào cộng đồng. Đây là nguồn lực quý giá nếu được khai thác và hỗ trợ đúng cách.

Để chủ động ứng phó với “con bão” già hóa dân số, Việt Nam cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: cải cách mạnh hệ thống BHXH theo hướng bền vững; mở rộng mạng lưới chăm sóc y tế và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tiếp tục làm việc phù hợp với sức khỏe; đồng thời có chính sách hỗ trợ thực chất cho người trẻ về nhà ở, việc làm, thu nhập để khuyến khích kết hôn và sinh con.

Tư duy mới trong chính sách an sinh

Ngày 9/9/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 72-NQ/TW “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”. Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số nhanh, Nghị quyết số 72 được đánh giá là quyết sách chiến lược, mang tầm nhìn dài hạn, thể hiện sự quan tâm sâu sắc, toàn diện và nhân văn của Đảng, Nhà nước đối với người cao tuổi, nhóm dân số ngày càng gia tăng cả về quy mô và nhu cầu an sinh.

Nghị quyết 72 khẳng định quan điểm xuyên suốt: sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả quốc gia; người dân là trung tâm, là chủ thể; trọng tâm của hệ thống y tế phải chuyển mạnh từ “khám, chữa bệnh” sang “phòng bệnh”, quản lý sức khỏe suốt vòng đời. Đối với người cao tuổi, đây là bước chuyển căn bản, bởi chính sách không chỉ hướng đến kéo dài tuổi thọ mà còn nâng cao số năm sống khỏe mạnh, giảm gánh nặng bệnh tật và chi phí y tế.

Nghị quyết đặt mục tiêu đến năm 2030, tuổi thọ trung bình của người Việt đạt 75,5 tuổi, số năm sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm; đến năm 2045, tuổi thọ trung bình vượt 80 tuổi, trong đó số năm sống khỏe mạnh trên 71 năm. Đây là định hướng mang ý nghĩa an sinh sâu sắc, đặc biệt đối với người cao tuổi.

Hiện Việt Nam có khoảng 16 - 17 triệu người cao tuổi, phần lớn sinh sống ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ người cao tuổi có thể BHYT khá cao, song khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế chuyên sâu, chăm sóc dài hạn, chăm sóc tại nhà và tại cộng đồng còn hạn chế. Hệ thống bệnh viện lão khoa, nhân lực y tế chuyên ngành, dịch vụ chăm sóc ban trú hoặc chăm sóc ban ngày vẫn chưa phát triển tương xứng với tốc độ già hóa dân số. Chính vì vậy, Nghị quyết 72

được xem là “điểm tựa chính sách” quan trọng để từng bước khắc phục những bất cập này.

Một trong những nội dung nổi bật của Nghị quyết 72 là khám sức khỏe định kỳ cho toàn dân, triển khai từ năm 2026, ít nhất 1 lần/năm, gắn với sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật. Với người cao tuổi, đây là cơ hội được quản lý sức khỏe chủ động, phát hiện sớm bệnh mạn tính, điều trị kịp thời, hạn chế biến chứng và giảm chi phí điều trị muộn.

Cùng với đó là xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, quản lý sức khỏe trọn đời. Đối với người cao tuổi, hồ sơ điện tử giúp bác sĩ nắm rõ tiền sử bệnh, thuốc đang sử dụng, giảm thủ tục, hạn chế sai sót y khoa, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận khám, chữa bệnh từ xa, đặc biệt với người già neo đơn hoặc khó đi lại.

Một điểm nhấn an sinh rất quan trọng là lộ trình miễn viện phí cơ bản trong phạm vi quyền lợi BHYT đến năm 2030. Chính sách này có ý nghĩa đặc biệt với người cao tuổi, nhóm sử dụng dịch vụ y tế thường xuyên, góp phần giảm gánh nặng tài chính, bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe và tạo tâm lý an tâm khi về già.

Nghị quyết cũng nhấn mạnh củng cố y tế cơ sở và chăm sóc tại cộng đồng, bảo đảm trạm y tế xã đủ nhân lực, thuốc men, trang thiết bị. Đây là giải pháp then chốt để người cao tuổi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, được chăm sóc sức khỏe gần nơi cư trú, giảm tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên, đúng với tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Một định hướng rất tiến bộ của Nghị quyết 72 là chuyển mạnh sang dự phòng, phát hiện sớm và quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng, kết hợp chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần. Đây là chính sách sát với nhu cầu thực tế của người cao tuổi, nhóm không chỉ cần điều trị bệnh mà còn cần được hỗ trợ về tâm lý, giao tiếp xã hội và phòng, chống cô đơn.

Tinh thần của Nghị quyết 72 cho thấy, bảo đảm an sinh cho người cao tuổi không chỉ là nhiệm vụ của ngành Y tế mà đòi hỏi sự phối hợp liên ngành: y tế, bảo hiểm, tài chính, xây dựng, giao thông, văn hóa, khoa học - công nghệ. Từ phát triển nhân lực lão khoa, điều dưỡng, chăm sóc dài hạn; ứng dụng chuyển đổi số; đến xây dựng môi trường sống, hạ tầng và giao thông thân thiện với người cao tuổi, tất cả đều là những cầu phần không thể thiếu.

Già hóa dân số vì thế không chỉ là “bài toán” nhân khẩu học, mà là phép thử về tầm nhìn, bản lĩnh và năng lực quản trị của Nhà nước. Nghị quyết 72-NQ/TW không chỉ là bước đi chiến lược xây dựng nền y tế hiện đại, công bằng và bền vững, mà còn là minh chứng rõ nét cho chính sách an sinh nhân văn, lấy con người làm trung tâm, để người cao tuổi Việt Nam được sống lâu hơn, khỏe mạnh hơn và hạnh phúc hơn trong kỷ nguyên mới. **UYÊN NA**

Hoạt động thiện nguyện và “kho

Chưa thể nhận diện hoạt động “đội lốt từ thiện”

Trong nhiều năm gần đây, đặc biệt từ sau các đợt thiên tai lớn và giai đoạn dịch Covid-19, hoạt động từ thiện tại Việt Nam đã chứng kiến sự bùng nổ chưa từng có. Không chỉ các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, mà cá nhân, nhóm thiện nguyện tự phát, người nổi tiếng, KOLs (cụm từ viết tắt của Key Opinions Leaders - những người có sự ảnh hưởng đến mọi người trên các nền tảng mạng xã hội) đều có thể đứng ra kêu gọi quyên góp với tốc độ lan truyền rất nhanh trên mạng xã hội.

Theo thống kê của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, chỉ riêng các đợt thiên tai lớn giai đoạn 2020 - 2022, tổng số tiền và hiện vật ủng hộ từ cộng đồng lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng, trong đó có phần không nhỏ do cá nhân vận động độc lập.

Sự năng động này phản ánh mặt tích cực của xã hội, đó là khả năng tự huy động nguồn lực cao, linh hoạt, kịp thời. Rõ ràng, trong một thời gian dài, hoạt động từ thiện nở rộ, thoát nhìn có vẻ tích cực vì cho thấy tinh thần thiện nguyện mạnh mẽ của cộng đồng.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh và mạnh ấy lại yếu về nền tảng, dẫn đến những ẩn họa phía sau. Đã có không ít tổ chức, cá nhân bị đặt trong vòng nghi vấn về hành vi lợi dụng từ thiện để làm giàu cho chính bản thân, không đem lại hiệu quả tối đa cho đối tượng thụ hưởng. Cũng đã có những cá nhân phải sa lưới pháp luật vì các hành vi nghiêm trọng hơn như trục lợi từ thiện, lừa đảo khoác áo từ thiện, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, với số tiền từ vài chục triệu đến vài trăm tỷ đồng. Số còn lại đang đối mặt với những câu hỏi lớn trong công tác quản lý từ thiện: chậm giải ngân, không công khai sao kê, sử

Diễn hình pháp luật quốc tế về hoạt động từ thiện

Hoạt động từ thiện mang tính xuyên biên giới và đa dạng về hình thức tổ chức xã hội. Tại nhiều quốc gia phát triển, khuôn khổ pháp lý quy định rõ tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và điều kiện hưởng ưu đãi thuế - yếu tố giúp tăng lòng tin của nhà tài trợ và hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội.

Tại Đức, các tổ chức từ thiện và phi lợi nhuận (PBOs) được công nhận theo tiêu chí “phi lợi nhuận” và “mục đích công ích”. Để được hưởng ưu đãi thuế, các PBO phải chứng minh hoạt động của mình phục vụ các mục tiêu như giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội... và phải sử dụng tài sản cho mục đích này ngay cả khi giải thể.

Khi một tổ chức đủ điều kiện, các nhà tài trợ cá nhân và doanh nghiệp có thể được giảm trừ thuế thu nhập tương ứng với

Khi từ thiện phát triển nhanh hơn khung pháp lý

Từ thiện là một giá trị xã hội bền vững, phản ánh tinh thần tương thân tương ái đã trở thành truyền thống của người Việt. Tuy nhiên, khi hoạt động thiện nguyện ngày càng mở rộng về quy mô, lan tỏa mạnh mẽ trên không gian mạng và thu hút lượng tiền, hiện vật rất lớn từ cộng đồng, thì yêu cầu đặt ra không còn dừng lại ở “tấm lòng”, mà phải song hành với khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch và có trách nhiệm.

dụng tiền quyên góp sai mục đích, thiếu minh bạch trong quản lý và phân phối nguồn lực...

Đáng tiếc là trong số đó có những cá nhân, tổ chức từng được tôn vinh vì hoạt động cộng đồng mạnh mẽ, có sức ảnh hưởng lớn, có uy tín trong xã hội, thậm chí từng là những tấm gương sáng cho thế hệ trẻ.

Theo phân tích của Bộ Nội vụ trong các báo cáo chuyên đề về quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nguyên nhân sâu xa của những bất cập này không chỉ nằm ở đạo đức cá nhân, mà còn do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả. Khi pháp luật chưa đủ mạnh, niềm tin xã hội bị đặt vào thể mong manh. Từ đây, những câu hỏi pháp lý ngày càng trở nên cấp thiết: Ai giám sát dòng tiền? Trách nhiệm của người kêu gọi đến đâu? Khi xảy ra sai phạm, cơ chế xử lý dựa trên nền tảng pháp luật nào?



● Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả đã dẫn đến hành vi trục lợi từ thiện. (Ảnh: An)

Hiện nay, Việt Nam chưa có đạo luật riêng về hoạt động từ thiện. Việc điều chỉnh lĩnh vực này đang được thực hiện thông qua nhiều văn bản pháp luật khác nhau, gồm: Hiến pháp năm 2013 (quy định về quyền sở hữu, quyền tham gia hoạt động xã hội); Bộ luật Dân sự 2015 (quan hệ ủy quyền, quản lý tài sản); Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Luật Xử lý vi phạm hành chính...

Cùng các nghị định chuyên ngành, trong đó Nghị định 93/2021/NĐ-CP là văn bản quan trọng. Nghị định này quy định rõ về việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện, đồng thời cho phép cá nhân được kêu gọi từ thiện, nhưng phải đáp ứng các điều kiện về mục đích rõ ràng, công khai thông tin, thời hạn vận động, phân phối, nghĩa vụ báo cáo, quyết toán và công khai kết quả. Đây được xem là bước tiến

quan trọng trong việc “hợp pháp hóa” hoạt động từ thiện cá nhân, thay vì cấm đoán hoặc bỏ trống quản lý như trước kia.

Tuy nhiên, dù Nghị định 93 đã tạo ra khung pháp lý cơ bản, việc triển khai trên thực tế vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Dễ nhận thấy nhất là cơ chế giám sát chưa rõ ràng. Nghị định đặt nặng trách nhiệm “tự công khai” của người kêu gọi, nhưng chưa có cơ quan chuyên trách thực hiện kiểm tra, hậu kiểm độc lập đối với các đợt vận động lớn do cá nhân thực hiện.

Bên cạnh đó, chế tài xử lý vi phạm còn phân tán. Khi xảy ra sai phạm, việc áp dụng chế tài phải viện dẫn nhiều luật khác nhau (dân sự, hành chính, hình sự), khiến quá trình xử lý kéo dài, gây bức xúc dư luận và làm suy giảm niềm tin xã hội.

Một hạn chế quan trọng khác là ranh giới giữa thiện nguyện và hoạt động có yếu tố trục lợi chưa

được định danh rõ ràng. Pháp luật hiện hành chưa có tiêu chí cụ thể để phân biệt đâu là vận động từ thiện thuần túy, đâu là hoạt động “đội lốt từ thiện” nhằm xây dựng hình ảnh, thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp. Những khoảng trống này chính là mảnh đất màu mỡ để các hành vi vi phạm sinh sôi, nảy nở trong thời gian qua.

Nỗ lực lấp lại khoảng trống

Thực tế, những rối ren trong hoạt động từ thiện thời gian qua chỉ là một phần của bức tranh chung, không thể đại diện cho toàn bộ hoạt động thiện nguyện ở Việt Nam. Qua thực tiễn thi hành, Bộ Nội vụ đánh giá rằng phần lớn các quỹ xã hội, quỹ từ thiện đã tổ chức và hoạt động cơ bản tuân thủ pháp luật và điều lệ, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đồng hành cùng đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy Nghị định 93 và các văn bản sửa đổi không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới, khi quy mô vận động ngày càng lớn, hình thức ngày càng đa dạng và tác động xã hội ngày càng sâu rộng.

Mới đây, Bộ Tư pháp đã công bố hồ sơ thẩm định dự thảo Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng, nhằm thay thế toàn bộ Nghị định 93/2019 và Nghị định 136/2024.

Theo Bộ Nội vụ, việc ban hành nghị định mới không chỉ mang tính kỹ thuật pháp lý, mà xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của giai đoạn phát triển mới, gắn với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã), bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Nói cách khác, pháp luật về từ thiện đang được đặt trong tư duy quản trị quốc gia hiện đại, thay vì

được kiểm toán có thể giúp tăng nguồn lực từ dân và doanh nghiệp đồng thời nâng cao độ tin cậy của các tổ chức xã hội.

Nhật Bản là một trong những nước có khung pháp lý hướng đến thúc đẩy hoạt động xã hội và từ thiện qua Luật thúc đẩy hoạt động NPO (NPO Law) có hiệu lực từ năm 1998. Luật này cho phép các tổ chức xã hội dân sự dễ dàng thành lập pháp nhân phi lợi nhuận và tham gia hoạt động công ích. Trước khi luật này ra đời, các tổ chức dân sự khó được công nhận pháp nhân và hầu hết bị coi là hoạt động vì lợi ích riêng hoặc phải đăng ký theo hình thức công ty.

Bên cạnh NPO Law, Nhật Bản còn có các mô hình pháp nhân khác như Public Interest Corporations (các hiệp hội và quỹ mang lợi ích công cộng) được đánh giá công tác minh bạch và ứng dụng các tiêu chuẩn quản trị nội bộ để được hưởng

Góc nhìn quốc tế về hoạt động từ thiện và kinh nghiệm cho Việt Nam

Hoạt động từ thiện, nhân đạo đóng vai trò thiết yếu trong xây dựng xã hội công bằng và bền vững. Tuy nhiên, để hoạt động này đạt được hiệu quả thực chất và tránh rủi ro lạm dụng, gian lận hay thiếu minh bạch, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, giám sát và quản trị là điều kiện tiên quyết.

đóng góp của họ theo quy định của luật thuế Đức. Tuy không có “quy định bắt buộc” chung về tuân thủ cho tổ chức từ thiện, nhưng các tổ chức phi lợi nhuận



● Để thúc đẩy hoạt động từ thiện hiệu quả và bền vững, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật tại Việt Nam đóng vai trò đặc biệt quan trọng. (Nguồn: VGP)

vẫn phải tuân thủ rất nhiều quy định pháp lý về quản trị, kế toán, báo cáo tài chính và minh bạch hoạt động, đồng thời phải có cơ chế kiểm soát nội bộ phù

hợp để duy trì lợi thế thuế và niềm tin của công chúng. Tổng quan lại, pháp luật Đức sử dụng cơ chế ưu đãi thuế kèm yêu cầu minh bạch và báo cáo tài chính

“khoảng trống” pháp luật cần lấp đầy



● Khi niềm tin bị bào mòn, người chịu thiệt không chỉ là cá nhân kêu gọi hay người đóng góp, mà là những đối tượng yếu thế, người cần được giúp đỡ nhất. (Nguồn: S.T)

chỉ điều chỉnh đơn lẻ từng hành vi. Dự thảo nghị định mới cho thấy một bước chuyển quan trọng từ quản lý “niềm tin” sang quản lý bằng chuẩn mực pháp lý cụ thể.

Trước hết, dự thảo sửa đổi, làm rõ tôn chỉ, mục đích thành lập quỹ, đồng thời giải thích lại các khái niệm về quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nhằm tránh cách hiểu tùy tiện, mở rộng không kiểm soát. Đáng chú ý, dự thảo bổ sung quy định nghiêm cấm việc thành lập hoặc tổ chức hoạt động của quỹ để nhận tiền gửi, cho vay, góp vốn đầu tư. Đây là điểm mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó xác lập ranh giới rõ ràng giữa hoạt động từ thiện phi lợi nhuận và các hoạt động tài chính - đầu tư, ngăn chặn nguy cơ biến quỹ từ thiện thành “vỏ bọc” cho hoạt động kinh doanh hoặc sinh lợi.

Một điểm đáng chú ý khác của dự thảo là việc làm rõ phạm vi hoạt động của các quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo địa giới hành chính. Theo đó, các quỹ được phân loại theo phạm vi hoạt động gồm quỹ hoạt động trên phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; và quỹ hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu. Việc phân định cụ thể này

không chỉ tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, mà còn góp phần xác lập rõ thẩm quyền giám sát, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng, qua đó khắc phục tình trạng chồng chéo, “trôi nổi trách nhiệm” khi phát sinh vi phạm hoặc vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động của quỹ.

Thực tiễn cho thấy, nhiều tranh cãi xã hội thời gian qua không xuất phát từ việc người dân quay lưng với từ thiện, mà từ nỗi lo lòng tốt bị lợi dụng. Khi niềm tin bị bào mòn, người chịu thiệt không chỉ là cá nhân kêu gọi hay người đóng góp, mà là những đối tượng yếu thế, người cần được giúp đỡ nhất.

Từ thiện là hành động của trái tim, nhưng không thể đứng ngoài pháp luật. Khi những dòng tiền thiện nguyện đã trở thành tài sản xã hội, thì việc quản lý bằng các chuẩn mực pháp lý minh bạch, chặt chẽ và có trách nhiệm là yêu cầu tất yếu. Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động từ thiện chính là để lòng tốt được đi đúng hướng, đi đủ xa và đi bền vững. Chỉ khi pháp luật đủ mạnh và rõ ràng, niềm tin xã hội mới được bảo vệ và từ thiện mới thực sự phát huy đúng giá trị nhân văn vốn có của nó.

NGỌC MAI

ưu đãi thuế. Tóm lại, việc thiết kế một pháp nhân đặc thù cho tổ chức từ thiện, với điều kiện, tiêu chí trách nhiệm rõ ràng, có thể giúp Nhà nước Nhật Bản kiểm soát tốt hơn hoạt động từ thiện đồng thời bảo đảm tính bền vững và minh bạch.

Ở Hoa Kỳ, mô hình pháp lý về tổ chức thiện nguyện chủ yếu dựa vào Điều 501(c)(3) của Bộ luật Thuế nội địa (Internal Revenue Code). Đây là quy định cho phép các tổ chức hoạt động vì mục đích tôn giáo, giáo dục, khoa học, nhân đạo, từ thiện... được miễn thuế liên bang và cho phép nhà tài trợ được khấu trừ thuế khi ủng hộ các tổ chức này. Quyền hưởng miễn trừ thuế đi kèm với yêu cầu nghiêm ngặt về mục đích hoạt động “phi lợi nhuận” và hạn chế các hoạt động chính trị hoặc vận động chính sách công.

Ngoài ra, các tổ chức 501(c)(3) phải nộp Form 990

hàng năm, cung cấp thông tin tài chính chi tiết về hoạt động và khoản đóng góp - đây là cơ chế minh bạch cực kỳ quan trọng giúp công chúng, nhà tài trợ và cơ quan quản lý theo dõi hoạt động từ thiện một cách công khai. Tựu trung lại, pháp luật Hoa Kỳ yêu cầu sự minh bạch tài chính thông qua quy định bắt buộc kê khai và công khai các báo cáo hoạt động nhằm ngăn ngừa lạm dụng, tham nhũng trong lĩnh vực từ thiện, đồng thời tạo niềm tin cho người quyên góp.

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia có truyền thống tương trợ cộng đồng sâu sắc. Hoạt động từ thiện diễn ra dưới nhiều hình thức như đóng góp cho quỹ xã hội, hỗ trợ người nghèo, khuyết tật, thiên tai...

Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa có đạo luật riêng về hoạt

động từ thiện, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn còn thiếu, chưa bắt kịp với thực tế, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ. Các quy định, điều khoản áp dụng cho tổ chức xã hội, quỹ và hội nghề nghiệp liên quan đến hoạt động từ thiện thường phân tán giữa các văn bản như Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thuế...; cùng với các nghị định liên quan như Nghị định 93/2021/NĐ-CP, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP... Những “khoảng trống” trong quản lý và giám sát hoạt động từ thiện đã góp phần làm gia tăng nguy cơ rủi ro gian lận, thu phí trá hình và thiếu minh bạch trong sử dụng nguồn lực trên thực tế hiện nay.

Từ kinh nghiệm quốc tế, có thể thấy rằng để thúc đẩy hoạt động từ thiện hiệu quả và bền vững, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật tại Việt Nam đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trước hết, cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng dành riêng cho các tổ chức từ thiện, đơn cử như xây dựng một luật chuyên biệt hoặc bổ sung các quy định cụ thể vào Bộ luật Dân sự, pháp luật thuế và các lĩnh vực pháp luật liên quan.

Trong đó, các quy định này phải nêu rõ tiêu chí thành lập, quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức từ thiện. Một trụ cột khác là yêu cầu minh bạch tài chính. Việc bắt buộc công khai báo cáo định kỳ, bao gồm hoạt động và tài chính, sẽ giúp tăng cường niềm tin và hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.

Nhiều quốc gia cũng áp dụng cơ chế ưu đãi thuế đi kèm điều kiện nghiêm ngặt, trong đó nhà tài trợ và tổ chức chỉ được

hưởng ưu đãi khi đáp ứng các tiêu chuẩn minh bạch và có đánh giá hiệu quả hoạt động. Đây là kinh nghiệm quan trọng mà Việt Nam có thể nghiên cứu áp dụng. Bên cạnh đó, việc ban hành bộ hướng dẫn về quản trị và tuân thủ, xây dựng cùng các tổ chức quốc tế, sẽ giúp nâng cao năng lực quản lý nội bộ cho các tổ chức từ thiện, và đặc biệt, cần có quy định rõ ràng đối với các hoạt động từ thiện do cá nhân thực hiện.

Không thể phủ nhận, hoạt động từ thiện, nhân đạo là một phần thiết yếu của xã hội hiện đại, góp phần giảm nghèo, hỗ trợ nhóm yếu thế và thúc đẩy phát triển bền vững. Một hệ sinh thái pháp lý đầy đủ và phù hợp sẽ tạo dựng niềm tin cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời giúp phát huy tối đa sức mạnh cộng đồng trong giải quyết các thách thức xã hội.

ĐỖ TRANG

Ý KIẾN

CHUYÊN GIA PHÁP LÝ ĐẦU TƯ NGUYỄN TUẤN:

Người làm từ thiện nên tự đặt cho mình những chuẩn mực để tuân thủ pháp luật

Làm từ thiện, suy cho cùng, cũng là một cách “quản trị dòng tiền”, nhưng là dòng tiền đặc biệt: dòng tiền của niềm tin xã hội. Với góc nhìn của một



● Chuyên gia pháp lý đầu tư Nguyễn Tuấn

người hoạt động lâu năm trong lĩnh vực đầu tư và đồng thời từng trực tiếp thực hiện hoạt động thiện nguyện, tôi cho rằng, từ thiện càng lớn thì yêu cầu về kỹ luật pháp lý, kỹ luật tài chính và kỹ luật nội tâm càng phải cao.

Trước hết, cần khẳng định rõ: làm từ thiện đúng luật không phải là yêu cầu mang tính hình thức, mà là nền tảng để bảo vệ chính người làm thiện nguyện. Pháp luật sinh ra để thiết lập chuẩn mực chung, giúp mọi hành vi thiện nguyện được đặt trong khuôn khổ minh bạch, có trách nhiệm và có thể kiểm soát được.

Người đứng ra kêu gọi từ thiện, dù là cá nhân hay tổ chức, cần ý thức rằng mình đang tiếp nhận và quản lý tài sản của cộng đồng. Khi đã nhận tiền của xã hội, thì không thể quản lý theo cảm tính hay niềm tin cá nhân, mà phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản: mục đích rõ ràng, thời hạn cụ thể, công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình.

Trong tài chính, không có khái niệm “minh bạch một phần”. Minh bạch hoặc là có, hoặc là không. Với từ thiện cũng vậy. Sao kê, báo cáo, cập nhật tiến độ giải ngân, công bố kết quả sử dụng nguồn tiền... không phải là “án huệ” của người làm từ thiện, mà là nghĩa vụ đối với cộng đồng đã gửi gắm niềm tin.

Tôi cho rằng, người làm từ thiện nên tự đặt cho mình những chuẩn mực để tuân thủ pháp luật như: tách bạch tài khoản cá nhân, tài khoản từ thiện, ghi nhận đầy đủ các khoản thu - chi, lưu trữ chứng từ, cập nhật thông tin định kỳ. Khi làm được điều đó, người làm từ thiện không chỉ bảo vệ được mình trước rủi ro pháp lý, mà còn giữ được sự an tâm nội tại.

Theo tôi, làm từ thiện đúng cách không phải là làm cho nhiều người biết, mà là làm sao cho ít rủi ro nhất. Không phải là chạy theo quy mô, mà là phù

hợp với năng lực. Không phải là làm theo cảm xúc nhất thời, mà là có kế hoạch, có kiểm soát, có điểm dừng rõ ràng.

Từ thiện, cũng như đầu tư, cần sự tỉnh táo. Khi pháp luật được tôn trọng, dòng tiền được quản lý minh bạch, nội lực người làm từ thiện đủ vững thì từ thiện mới thực sự trở về đúng bản chất của nó: giúp người khác mà không làm tổn thương chính mình và xã hội.

LUẬT SƯ NGUYỄN NGỌC HÙNG - TRƯỞNG VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KẾT NỐI:

Hoạt động từ thiện cần sự giám sát của các cơ quan pháp luật

Chính sách chung của Đảng, Nhà nước và các địa phương luôn khuyến khích, tôn vinh và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp từ nguyện và tổ chức vận động đóng góp từ nguyện; phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, nhanh chóng hỗ trợ người dân chịu thiệt hại bởi thiên tai, dịch bệnh, sự cố hoặc người dân mắc bệnh hiểm nghèo nhằm sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt, khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Mặc dù hệ thống pháp luật về hoạt động từ thiện có quy định rất rõ ràng, chặt chẽ, nhưng vẫn có tình trạng cố tình chiếm đoạt tiền từ thiện, hay tình trạng lợi dụng từ thiện để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số cá nhân như đã xảy ra trong thời gian vừa qua. đương nhiên, những người vi phạm ngoài việc bị pháp luật phán xét, họ còn bị dư luận đánh giá, ảnh hưởng đến chính uy tín, danh dự của họ.

Vấn đề từ thiện vẫn phải xuất phát từ cái tâm, lòng tốt của cá nhân nhằm lan tỏa sự yêu thương, giá trị đạo đức con người, sự tử tế, để chia sẻ tình cảm giữa con người với nhau. Ai cũng mong muốn, hy vọng các nạn nhân của thiên tai, bão lũ, dịch bệnh hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo sớm vượt quá khó khăn, lạc quan, gặp những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Nhưng để tránh những vấn đề không đáng có đến với hoạt động từ thiện và bản thân người kêu gọi từ thiện thì hoạt động từ thiện vẫn cần phải kiểm soát chặt chẽ, có sự tham gia quản lý của chính quyền địa phương, có hoạt động kiểm soát, giám sát của các cơ quan pháp luật.

NGỌC MAI - ĐỖ TRANG (thực hiện)



● Luật sư Nguyễn Ngọc Hùng

Vay mượn để tổ chức đám cưới

Chỉ còn hai tuần nữa là đến ngày cưới, nhưng Chí Minh (30 tuổi, Hà Nội) và Minh Trang (30 tuổi, Ninh Bình) vẫn tất bật chuẩn bị, lo lắng đủ thứ chuyện. Từ việc chốt thực đơn tiệc cưới, sắp xếp chỗ ngồi cho khách mời, thuê đội ngũ quay chụp, chuẩn bị trang phục cho bố mẹ, sửa sang phòng ốc... đến việc gửi nót hơn trăm chiếc thiệp cưới. Nhìn quanh đầu đầu cũng là việc khiến đôi uyên ương không biết nên làm việc gì trước, việc gì sau.

Không chỉ phải đối mặt với khối lượng công việc dồn dập, chi phí tổ chức đám cưới cũng khiến Chí Minh và Minh Trang căng thẳng hơn bao giờ hết. Sau nhiều năm đi làm, cả hai quyết định tự chi trả cho lễ cưới, không nhờ đến sự hỗ trợ của gia đình. Thế nhưng, “người tính không bằng trời tính”. Dù đã lên kế hoạch chi phí nhưng càng gần ngày cưới, các khoản phát sinh liên tục xuất hiện. Đến thời điểm này, tổng chi phí đã vượt mức dự kiến, đồng nghĩa với việc cặp đôi phải đối mặt với áp lực tài chính để có thể tổ chức đám cưới trọn vẹn.

“Ban đầu, chúng tôi dự kiến tổ chức đám cưới với tổng chi phí khoảng 400 triệu đồng và đã lập kế hoạch rất chi tiết, nên hoàn toàn yên tâm. Thế nhưng khi bắt tay vào thực hiện, thực tế lại khác xa tưởng tượng. Ví dụ, gói chụp ảnh cưới ban đầu đặt giá 15 triệu đồng, nhưng trong quá trình thực hiện, nhiều khoản phát sinh xuất hiện như thuê xe chở ekip, vé vào các địa điểm... khiến giá tiền tăng lên 19 triệu đồng. Tương tự, hầu hết các khoản khác như nhẫn cưới, váy cô dâu, vest chú rể, rạp ăn hỏi, trang trí đám cưới... đều phát sinh thêm không ít thì nhiều. Tích tiểu thành đại, tổng chi phí phát sinh đã lên gần 100 triệu đồng, vượt xa kế hoạch ban đầu của chúng tôi”, Chí Minh chia sẻ.

Với số tiền vượt mức dự kiến, Chí Minh và Minh Trang quyết định vay tạm người thân mỗi người một ít, hẹn sẽ hoàn trả ngay khi nhận được tiền mừng cưới. Giải pháp này giúp họ tạm thời vượt qua áp lực tài chính trước thềm lễ cưới nhưng cũng khiến cặp đôi không khỏi băn khoăn và trăn trở. “Chúng tôi biết rằng sau đám cưới sẽ nhận được tiền mừng để trả nợ, nhưng số tiền đó vốn được dự định cho một kế hoạch khác. Giờ đây, vì chi phí đám cưới vượt mức dự kiến, mọi kế hoạch đều bị xáo trộn. Lẽ ra chúng tôi nên tính toán kỹ hơn về chi phí tổ chức đám cưới”, Chí Minh nói.

Cũng giống như Chí Minh và Minh Trang, Nghiêm Đạt (28 tuổi, Hà Nội) vay tiền để tổ chức một đám cưới như ý. Tuy nhiên, sau hơn một năm, anh vẫn chưa trả hết nợ cho bạn bè. Số tiền vay ban đầu đã trở thành gánh nặng tài chính, chưa kể khi gia đình có thêm

Mùa cưới và nỗi lo mang tên áp lực tài chính



● Dù mỗi nhà mỗi khác nhưng điều quan trọng nhất của một đám cưới chỉ nên là những nghi lễ không thể thiếu trong đời sống văn hóa, tinh thần của người Việt Nam. (Ảnh: PV)



● Mùa cưới không chỉ mang lại niềm vui, hạnh phúc mà còn kéo theo vô vàn nỗi lo, nhất là nỗi lo mang tên áp lực tài chính của cô dâu, chú rể. (Ảnh: PV)



● Vài năm trở lại đây, nhiều bạn trẻ đã quen dần với khái niệm đám cưới tối giản, thân mật. (Ảnh: ST)

Ba tháng cuối năm Âm lịch thường được coi là “thời điểm vàng” để tổ chức đám cưới. Dân gian gọi thời điểm này trong năm là mùa cưới - mùa của những đôi uyên ương, nhưng đồng thời cũng là mùa của nỗi lo trăm bề. Gọi như vậy là bởi mùa cưới không chỉ mang lại niềm vui, hạnh phúc mà còn kéo theo vô vàn nỗi lo, nhất là nỗi lo mang tên áp lực tài chính của của cô dâu, chú rể.

em bé, nhiều khoản chi phát sinh khiến nợ cứ kéo dài. “Ban đầu tôi nghĩ sẽ dễ dàng xoay xở và trả hết nợ trong vài tháng, nhưng vừa phải lo tiền chăm con, vừa chi tiêu hàng ngày, tôi không thể tiết kiệm để trả nợ. Đến giờ vẫn còn một phần nợ chưa giải quyết xong, khiến tôi rất mệt mỏi. Muốn làm gì cũng phải cân nhắc vì vẫn còn món nợ”, Nghiêm Đạt chia sẻ.

Để cưới hỏi chỉ nên là niềm vui

Có một sự thật là nhiều đôi uyên ương thừa nhận họ đầu tư quá nhiều vào ngày trọng đại, để rồi sau đó cảm thấy mệt mỏi với khoản chi phí vượt khả năng. Tình trạng này xuất phát từ nhiều yếu tố, bao gồm cả khách quan lẫn chủ quan. Theo đó, chi phí tổ chức ngày trọng đại thường tăng cao do ba nguyên nhân chính: tâm lý so

sánh và kỳ vọng giữa các gia đình; giá dịch vụ cưới liên tục leo thang; các cặp đôi chỉ tìm hiểu dịch vụ sát ngày cưới, thiếu thông tin về giá cả.

Bên cạnh đó, nhiều bạn trẻ hiện nay có xu hướng “sống ảo”, muốn chia sẻ những hình ảnh đẹp nhất trên mạng xã hội. Chính vì vậy, họ thường đầu tư mạnh vào những bức ảnh cưới lung linh, lễ đường hoành tráng, váy cưới lộng lẫy... nhằm tạo một đám cưới “như mơ” để khoe trên mạng. Tuy nhiên, phía sau những hình ảnh hào nhoáng ấy là những con số thực tế khiến nhiều cặp đôi phải giật mình: chi phí vượt xa dự kiến, đôi khi gấp đôi hoặc gấp ba so với kế hoạch ban đầu.

Không chỉ vậy, ở Việt Nam còn tồn tại văn hóa “trả nợ miệng”, yêu cầu các gia đình tổ chức tiệc linh đình, tiếp khách

chu đáo, dẫn đến việc phải vay mượn để chi trả chi phí chuẩn bị đám cưới. Hệ quả là sau lễ cưới, áp lực tài chính không chỉ đè nặng lên vai cặp đôi trẻ mà còn ảnh hưởng đến bố mẹ hai bên gia đình.

Những nguyên nhân này đã và đang khiến ngày càng nhiều cặp đôi chi tiêu vượt khả năng, vay mượn để tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, nếu không tính toán kỹ lưỡng, những khoản vay này có thể tạo thành vòng xoáy nợ nần và làm chậm lại các kế hoạch, mục tiêu cá nhân khác. Điều này càng dễ nhận thấy ở những cặp đôi có sự nghiệp và thu nhập chưa ổn định. Kết quả, niềm vui ngày cưới không được trọn vẹn, mà nhanh chóng bị lấn át bởi áp lực tài chính.

Thực tế, câu chuyện yêu đương và cưới hỏi lẽ ra chỉ nên là niềm vui, hạnh phúc chứ

không phải là nỗi lo, sự trăn trở. Dù mỗi nhà mỗi khác nhưng điều quan trọng nhất của một đám cưới chỉ nên là những nghi lễ không thể thiếu trong đời sống văn hóa, tinh thần của người Việt Nam. Như ở miền Bắc, đám ngõ, ăn hỏi và lễ cưới là ba ngày quan trọng để trai gái nên đôi. Khi nam thanh, nữ tú về thưa chuyện với gia đình, cũng là lúc hai bên gia đình tất bật chuẩn bị lễ hỏi, tác hợp cho đôi trẻ.

Vì thế, câu chuyện đám cưới cầu kỳ hay giản dị, nhiều tiền hay ít tiền không cần thiết phải đặt nặng. Một lễ cưới ý nghĩa không đong đếm bằng chi phí tổ chức, mà nằm ở khoảnh khắc hai trái tim hòa chung một nhịp, hai gia đình hòa hợp, gắn kết, người thân, bạn bè chia sẻ niềm vui. Chính những giây phút ấy mới tạo nên giá trị cốt lõi của một lễ cưới hoàn hảo.

Chia sẻ với truyền thông, chuyên gia tâm lý Đỗ Thảo Hạnh nhận định, cả người trẻ lẫn phụ huynh hiện nay cần thay đổi quan niệm “phải làm đám cưới sao cho rình rang, hoành tráng”. Đừng cố chuẩn bị đám cưới xa hoa, tốn kém bằng tiền vay mượn chỉ để “không ngại, không bẽ mặt với dòng họ, bạn bè”. Thay vào đó, có thể tổ chức một lễ cưới đơn giản nhưng vẫn đầy ý nghĩa. Vì điều sau cùng hướng đến của đám cưới là mong muốn có được một cuộc sống hôn nhân bền vững, hạnh phúc. Chứ không phải đã từng có một đám cưới hoành tráng với chi phí tổ chức lên đến hàng trăm triệu.

“Hiện nay, có không ít cặp đôi tổ chức đám cưới theo phong cách tối giản. Họ tự chụp ảnh bằng điện thoại hoặc nhờ bạn bè chụp giúp. Họ tự tay thiết kế không gian cưới. Rồi tổ chức ở những không gian nhỏ, ấm cúng. Họ cũng thu nhỏ quy mô, chỉ mời khách là bà con họ hàng, những người thật sự thân thiết. Nhờ vậy, đã giảm đi được những chi phí đắt đỏ”, chuyên gia tâm lý Đỗ Thảo Hạnh nói.

Quá thật, vài năm trở lại đây, nhiều bạn trẻ đã quen dần với khái niệm đám cưới tối giản, thân mật. Trong bối cảnh giá cả leo thang, kinh tế khó khăn, việc lựa chọn giảm thiểu quy mô và chi phí tổ chức đám cưới, tập trung vào trải nghiệm cá nhân được nhiều cặp đôi ưu tiên. Thay vì chi hàng trăm triệu đồng cho một sự kiện chỉ kéo dài vài giờ, nhiều cặp đôi chọn tổ chức lễ cưới ngoài trời, chỉ mời người thân và bạn bè thân thiết, vừa tiết kiệm chi phí, vừa có được không khí ấm cúng, ý nghĩa. Chưa kể, số tiền tiết kiệm có thể được dùng cho những mục tiêu thiết thực hơn, như một chuyến du lịch trăng mật, chuẩn bị kế hoạch sinh con hoặc đầu tư, kinh doanh.

TUỆ ANH



Chuyên gia quốc tế chỉ rõ sai lầm nghiêm trọng của hầu hết các start-up

Một buổi tọa đàm với chủ đề “Xây dựng mô hình khởi nghiệp an toàn và chiến lược phát triển kinh doanh thành công” đã diễn ra trong khuôn khổ Ngày hội Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Quốc gia TECHFEST 2025. Sự kiện thu hút sự quan tâm của đông đảo nhà sáng lập, chuyên gia đầu tư, cố vấn khởi nghiệp và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Tọa đàm tập trung vào các vấn đề cốt lõi mà startup thường gặp phải trong giai đoạn đầu, đặc biệt là chiến lược tiếp cận thị trường, tín hiệu gọi vốn và cách giảm thiểu rủi ro trong mắt nhà đầu tư. Một trong những nội dung nhận được nhiều quan tâm là chiến lược Go-to-Market (GTM) và thử nghiệm thị trường.

Các diễn giả nhấn mạnh rằng sai lầm phổ biến của startup, đặc biệt ở Việt Nam, đó là bắt đầu bằng việc xây dựng sản phẩm, thay vì hiểu rõ thị trường. Theo chia sẻ tại sự kiện, một chiến lược GTM hiệu quả phải dựa trên nhu cầu đã được kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế, không phải cảm nhận chủ quan.

Dẫn chứng từ thực tiễn, các chuyên gia kể lại câu chuyện một “startup kỳ lân” (là thuật ngữ chỉ những startup được định giá trên 1 tỷ đô la) đã xác nhận nhu cầu thị trường chỉ bằng một video demo đơn giản, chưa cần viết code hay hoàn thiện sản phẩm. Video này được chia sẻ trong cộng đồng và thu hút hơn 100.000 lượt đăng ký chỉ trong một ngày. Từ đó, nhóm sáng lập mới bắt đầu xây dựng sản phẩm, giảm thiểu đáng kể rủi ro thất bại. Thông điệp được nhấn mạnh xuyên suốt là: tín hiệu quan trọng nhất của GTM phải là con số thực tế, không phải cảm xúc hay những lời khen mang tính xã giao.

Bên cạnh đó, các diễn giả khuyến nghị startup cần ưu tiên các thử nghiệm nhỏ, nhanh và tập trung, theo tinh thần “thử nhanh, thất bại nhanh và học hỏi nhanh”, nhằm tận dụng tối đa nguồn lực hạn chế ở giai đoạn đầu.

Câu chuyện khởi nghiệp - thành công và rủi ro



● Tác giả Paulo Andrez, Chủ tịch danh dự của EBAN - Mạng lưới Nhà đầu tư Thiên thần Châu Âu, tác giả cuốn sách “Khởi nghiệp không rủi ro”. (Ảnh trong bài: BTC)

Đã có nhiều dự án khởi nghiệp thành công và trở thành thương hiệu lớn trong thị trường, nhưng cũng có những tham vọng lớn đổ vỡ nhanh chóng sau ồn ào ra mắt. Khởi nghiệp vẫn là giấc mộng lớn về khẳng định giá trị của mình trong thương trường đầy phiêu lưu, cạnh tranh, rủi ro.

Để các start-up thu hút nhà đầu tư chuyên nghiệp

Ở góc độ nhà đầu tư, tọa đàm đã làm rõ những tín hiệu then chốt mà quỹ đầu tư tìm kiếm khi đánh giá startup. Dù doanh thu chưa phải là yếu tố bắt buộc ở giai đoạn hạt giống, nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến tốc độ tăng trưởng người dùng, mức độ gắn bó của sản phẩm đối với khách hàng và tỷ lệ người dùng quay lại. Trong bối cảnh chi phí quảng cáo ngày càng cao, các startup sở hữu lượng người dùng đến từ kênh hữu cơ cũng được đánh giá cao hơn.

Ngoài ra, chuyên môn và sự hiểu biết sâu sắc về thị trường của nhà sáng lập được xem là yếu tố làm tăng đáng kể khả năng thành công. Các diễn giả cũng thẳng thắn chia sẻ rằng cấu trúc vốn và động lực đội ngũ là vấn đề nhạy cảm nhưng rất quan trọng. Việc chia cổ phần đồng đều giữa các đồng sáng lập thường không được nhà đầu tư đánh giá cao; thay vào đó, họ kỳ vọng CEO nắm giữ vai trò và tỷ lệ sở hữu rõ ràng.

Một điểm đáng chú ý khác là quan điểm “app downloads không phải là tiền”. Các quỹ đầu tư tập trung vào kinh tế đơn vị, giá trị trọn đời khách hàng, chi phí mua lại khách hàng và khả năng mua hàng lặp lại, thay vì chỉ nhìn vào số lượt tải hay lượt truy cập.

Tọa đàm cũng dành nhiều thời lượng để bàn về kênh phân phối và chiến lược mở rộng quy mô. Một ví dụ tại Việt Nam cho thấy khi một công ty EdTech kết hợp hoạt động offline như hợp tác với trường học và mô hình B2B vào chiến lược marketing số, chi phí thu hút khách hàng đã giảm đáng kể. Từ đó, các chuyên gia đưa ra kết luận: “Niềm tin offline có thể mở khóa quy mô online”.

Về chiến lược vươn ra toàn cầu, các diễn giả khuyến khích startup tận dụng nguồn lực từ

các cơ quan thương mại quốc tế, đồng thời khai thác hiệu quả mạng lưới hơn 5 triệu người Việt ở nước ngoài. Việc có đồng sáng lập tại các thị trường mục tiêu như Mỹ hay Anh được xem là cách giúp startup Việt trở thành doanh nghiệp “sinh ra toàn cầu” ngay từ đầu.

Khởi nghiệp không rủi ro

Một nội dung xuyên suốt của chương trình là triết lý đầu tư và khởi nghiệp trong “Zero Risk Startup” - “Khởi nghiệp không rủi ro” - cuốn sách của tác giả Paulo Andrez, do Book Hunter phát hành tại Việt Nam. Theo chia sẻ tại tọa đàm, 97% startup không gọi được vốn và nguyên nhân chính không phải vì thiếu tiềm năng lợi nhuận mà do mức độ rủi ro quá cao trong mắt nhà đầu tư.

Dưới góc nhìn của Paulo Andrez, cốt lõi của startup không nằm ở việc ý tưởng hay đến đâu, mà ở khả năng biến ý tưởng đó thành giá trị đã được thị trường xác nhận. Ông cho

rằng một ý tưởng, dù hấp dẫn hay “đột phá” đến mức nào, nếu không thể thực thi và không có khách hàng sẵn sàng trả tiền, thì về mặt đầu tư, giá trị của nó bằng 0. Đây cũng là lý do các nhà đầu tư không quan tâm nhiều đến cảm nhận cá nhân của nhà sáng lập về sản phẩm, mà tập trung vào bằng chứng cụ thể cho thấy khách hàng thực sự cần và sẵn sàng mua.

Từ đó, Andrez xác định hai trụ cột quyết định thành công của một startup: giá trị thực mà sản phẩm mang lại cho khách hàng và khả năng xây dựng được mối quan hệ, niềm tin với khách hàng để có thể bán hàng một cách bền vững.

Trên nền tảng này, ông lý giải vì sao chỉ khoảng 3% startup gọi được vốn. Không phải vì phần lớn các dự án thiếu tiềm năng lợi nhuận, mà vì nhà đầu tư nhìn thấy quá nhiều rủi ro. Thực tế, nhà đầu tư ra quyết định dựa trên rủi ro cảm nhận, chứ không hoàn toàn dựa trên rủi ro thực tế. Khi rủi ro bị “phóng đại” trong mắt họ, dòng vốn sẽ dừng lại. Do đó, nhiệm vụ quan trọng nhất của người sáng lập không phải là thuyết phục nhà đầu tư bằng tầm nhìn xa, mà là chủ động làm cho dự án trở nên ít rủi ro hơn. Paulo Andrez nhấn mạnh rằng founder nên dành khoảng 80% thời gian để xác định và giảm thiểu rủi ro, và chỉ 20% cho việc gọi vốn.

Tác giả Paulo Andrez phân tích 5 nhóm rủi ro chính gồm đối với khởi nghiệp bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro đội ngũ, rủi ro tài chính, rủi ro pháp lý và rủi ro vận hành. Để giảm thiểu rủi ro, nhà sáng lập cần chủ động loại bỏ, giảm thiểu, chuyển giao hoặc chấp nhận rủi ro một cách có tính toán. Ví dụ, thay vì gọi vốn lớn ngay từ đầu, start-up có thể bắt đầu với quy mô nhỏ hơn, chỉ mở rộng khi mô hình đã chứng minh được khả năng sinh lời.

Các ví dụ được ông đưa ra, từ mô hình mở tiệm giặt ủi từng bước đến việc xây dựng thương hiệu rượu bằng cách tránh đầu tư lớn vào tài sản cố định, đều cho thấy một tư duy nhất quán: khởi nghiệp không phải là chấp nhận rủi ro mù quáng, mà là liên tục tìm cách thu nhỏ rủi ro cho đến khi dự án trở nên “đủ an toàn” để thị trường và nhà đầu tư cùng tham gia.

Thông điệp quan trọng được nhấn mạnh là chuyển từ “ý định” sang “sự thật” khi gọi vốn. Những dữ liệu cụ thể như số khách hàng đã tiếp cận, số đơn hàng thử nghiệm hay phản hồi thực tế từ thị trường có giá trị hơn nhiều so với các tuyên bố tham vọng về thị phần trong tương lai.

Khép lại chương trình, các diễn giả đồng thuận rằng trong cả GTM lẫn quản trị rủi ro, yếu tố quyết định vẫn là hành động nhanh và phản ứng thị trường. Các cuộc phỏng vấn hay khảo sát chỉ mang tính tham khảo; chỉ kết quả thực tế mới phản ánh đúng nhu cầu và khả năng thành công của startup.

T.NGỌC - N.ANH



● Tác giả ký tặng sách cho độc giả.

Chương trình được tổ chức dưới sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND TP Hà Nội, được thực hiện và phối hợp bởi Cục khởi nghiệp Doanh nghiệp và Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo Quốc gia, Đại học Fulbright, 2080 Ventures và Book Hunter. Đặc biệt, tọa đàm có sự tham gia của ông Paulo Andrez, Chủ tịch danh dự của EBAN - Mạng lưới Nhà đầu tư Thiên thần Châu Âu, tác giả cuốn sách “Khởi nghiệp không rủi ro” (Book Hunter & NXB Tri Thức, 2025)

Sinh đẻ như là một tập tục, nghi lễ

Câu ca: “Lấy chồng từ thuở mười ba/Đến năm mười tám, thiếp đã năm con/Ra đường trông vẫn còn son/Về nhà khiếp đảm năm con cùng chàng”. Câu ca ngày xưa nói về chuyện phụ nữ Việt kết hôn rất sớm “từ thuở 13” và bắt đầu chu kỳ sinh đẻ liên tục “đến năm 18, thiếp đã năm con”. Sinh đẻ là công việc nặng nhọc, một mình mang bầu, một mình sinh nở “đàn bà vượt cạn mồ côi một mình”, nhưng lại phải mang vác nhiều trách nhiệm hệ trọng của gia đình, dòng họ.

Ngoài việc mang nặng, đẻ đau, phụ nữ còn bị quá nhiều ràng buộc về tập tục khi mang thai: từ tâm lý, kiêng cử, nghi lễ, duy trì giống nòi... khiến cho việc có thai của một người phụ nữ trong thời gian 9 tháng 10 ngày là một quãng thời gian đầy thử thách nghiệt ngã.

Các học giả nghiên cứu văn hóa dân gian như Phan Kế Bính, Nhất Thanh đã có nhiều nghiên cứu sâu sắc về chuyện sinh đẻ. Nó không đơn giản như đời sống hiện đại bây giờ mà là cả một nghi lễ kéo dài mà người phụ nữ phải phục tùng như bốn phận.

Theo cụ Phan Kế Bính, người phụ nữ xưa mang thai đều muốn có con trai, ít người muốn sinh con gái. Khi có con trai muốn mọi người đều mừng vui từ gia đình, dòng họ cho đến láng giềng. Theo cụ Nhất Thanh thì “con gái mới lấy chồng, cũng như gia đình nhà chồng, sau ngày cưới là chờ đợi có tin mừng, tức là bắt đầu có mang (cũng nói là có chửa, có bầu). Ai cũng coi việc có con là hệ trọng, nên khi gặp nhau thân thích bạn bè thường thăm hỏi “có tin mừng chưa?”.

Tục này, đến bây giờ thời hiện đại vẫn tồn tại, nên vợ chồng nào lấy nhau 1 đến 2 năm không có bầu là bắt đầu lo lắng, khám bệnh, chạy chữa rất tốn kém.

Việc kiêng cử cho người mang thai cũng rất phức tạp, câu kỳ dù không có tính khoa học, mà chỉ bằng việc truyền tụng, kinh nghiệm dân gian và không phải việc nào cũng hợp lý, nguy hiểm đến tính mạng. Nhưng đàn bà lúc đó chỉ coi như là “công cụ sinh nở” thì làm sao có được tiếng nói. Và nhiều hủ tục nặng nề còn kéo dài đến tận bây giờ.

Theo nhà nghiên cứu Nhất Thanh thì người có thai phải theo và nên tránh: phải năng cất nhắc, vận động, đừng ăn không nói rồi, kiêng ăn nhiều chất béo, nải nịt bụng cho thai, sợ thai lớn quá khó sinh, kiêng ăn trái cây sinh đôi để tránh song thai, kiêng ăn cua để tránh sinh ngang, kiêng ăn sò, ốc, trai, hến để con khỏi có nhiều dốt dãi, không nên nóng giận, có hành động gian ác...

Tục lệ dân gian cũng khuyên rằng: Người có thai nên ăn nhiều trứng gà, đu đủ chín, uống nước dừa, tắm bồn thanh thân, hòa nhả, để không ảnh hưởng đến con cái. Khi mang bầu không đi khám thai, mời thầy thuốc đến xem mạch, bốc thuốc, không được cời bỏ quần áo cho thầy khám thai.

Phụ nữ ngày xưa và chuyện sinh nở



Phụ nữ xưa đẻ nhiều con vì nhiều trách nhiệm lớn, như phải có con trai nối dõi cho nhà chồng, rồi con đẻ ra không may qua đời, nên tiếp tục đẻ. Việc sinh đẻ vừa là trách nhiệm, cũng là một nghi lễ...

Người đỡ đẻ phải là phụ nữ có kinh nghiệm trong làng. Đẻ xong không được ăn thịt mà phải ăn muối trắng, nước mắm...

Người phụ nữ mới sinh không được phép ra ngoài, không hơ đôi mắt lên than hồng, có rắc muối. Việc làm này ngăn cản tà ma, rình mò ở cửa, nhập vào phụ nữ qua đôi mắt. Nên có câu rằng “ba tháng mười ngày mới hết chay gái đẻ”.

Sách Văn đài loại ngữ của Lê Quý Đôn có chép: Tục nước ta đẻ con được 3 ngày thì làm cỗ cúng mẹ. Ngày đầy tháng, đầy 100 ngày và đầy tuổi tôi (đầy đủ một năm cũng gọi là thôi nôi) đều làm cỗ cúng gia tiên, bày tiệc ăn mừng, bà con quen thuộc cho quần áo đồ chơi, lại thường làm thơ làm câu đối mừng...

Sức nặng của việc sinh đẻ

“Chắc chắn là người phụ nữ Việt Nam có sức bao nhiêu thì đẻ bấy nhiêu. Lấy chồng khi còn trẻ thường là trước 20, họ sinh con sồn sồn cho đến tận khi mãn kinh. Tuy nhiên, sức đẻ của họ bị hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khác nhau của sự vô sinh. Tính chất phác, mộc mạc và sự khỏe mạnh của những người đàn bà này thật đáng khâm phục; những người mang thai làm cả công việc nặng nhọc và có thể vì vậy mà họ đẻ dễ dàng. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ

nông dân phải làm việc quá sớm sau khi đẻ, do vậy cơ thể của họ không phải là không bị ảnh hưởng; chúng tôi thấy có người đã ngồi dậy ngay vài giờ sau khi sinh...” (theo tác giả Pierre Gourou sách “Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ - nghiên cứu địa lý và nhân văn”).

Cũng từ ý trên, trong cuốn “Tiểu luận về dân Bắc Kỳ” của nhà nghiên cứu Gustave Dumoutier (Nhà xuất bản Hà Nội) cho biết người dân An Nam bắt người vợ có bầu phải làm việc nặng nhọc. Một câu tục ngữ: “Trong khi mang thai đứa con đầu lòng, người mẹ phải làm việc bên nhà hàng xóm”. Câu đó muốn nói rằng, nếu nhà thiếu việc, người mẹ phải đi kiếm việc ở chỗ khác.

“Chị ta phải mang vật nặng, dỡ hàng trên thuyền, chuyên đất đắp ụ và đê, làm hồ xây nhà. Trong tất cả các đám phu phen, người ta đều thấy số lượng đáng kể các bà bầu; có chị vác từ sáng đến chiều những khối lượng có thể khiến một người đàn ông ngã quỵ. Điều đó nhằm giúp việc đẻ con so được dễ dàng và giúp đứa bé sinh ra khỏe mạnh... Để đứa con không quá lớn, chị ta phải tránh không ăn ban đêm, uống một ít nước trước mỗi bữa ăn” (theo cuốn “Tiểu luận về dân Bắc Kỳ”).

Ngoài ra rất nhiều hủ tục mê tín nặng nề khi người phụ nữ mang bầu và sinh con. Họ phải đeo nhiều thứ bùa. Khi có thai, thai phụ phải cẩn thận tránh nhìn từ thi đàn ông hay súc vật, ô uest, tránh nghe những chuyện tang tóc, xúc động. Ngược lại phải tìm những câu chuyện dễ nghe, người chồng thương yêu và biết lo xa, không quên trang hoàng căn phòng những bức tranh màu sắc vui tươi, như em bé xinh xắn, béo tốt, má phính, vui đùa... Người chồng không được cãi tâng bất kỳ thành viên nào trong gia đình và dự đám cưới.

Con phải sinh tại chỗ đậu thai. Vì người xưa quan niệm rằng: sinh con tại một căn nhà khác nơi đậu thai, thì suốt năm đó đàn bà con gái, con dâu của gia chủ sẽ mất mọi hy vọng sinh nở.

Nhà nghiên cứu người Pháp Pierre Gourou cũng nhấn mạnh rằng: Sự tử vong của trẻ em là rất đáng kể. Có gia đình sinh 10 đến 12 con nhưng chỉ còn 3 con. Ông cho rằng trẻ em thường chết với các bệnh uốn ván, lao và thiếu dinh dưỡng, rồi số sinh con trai luôn nhiều hơn con gái dù thực tế thì số sinh con gái bao giờ cũng nhiều hơn con trai. Đây là quan niệm của nông dân cho rằng khai sinh con trai là có ích, còn khai sinh cho con gái thì họ

chẳng có lợi ích gì cả.

Một thống kê của Pierre Gourou ở làng Giáp Nhị (Thanh Liệt - Thanh Trì - Hà Đông cũ) cho biết: Năm 1924 có 122 người sinh thì có 47 người tử vong... Tới năm 1934 có 90 người sinh thì có 58 tử vong. Trong thời gian 10 năm đó tổng cộng có 1.214 người sinh và có 813 người tử vong. Trung bình cứ 110 người sinh thì có 74 người tử vong.

Theo nhà nghiên cứu người Pháp Gustave Dumoutier cho biết, để ngăn chặn việc trẻ em tử vong sớm, nhà có con liên tục bị mất sau nhiều lần sinh, có nghĩa là gia đình ấy bị vong hồn xấu của đứa con đầu lòng báo hại, nó đầu thai vào đứa con thứ hai, để chết một lần nữa và cứ thế tiếp tục, các lần đầu thai đó chỉ có mục đích duy nhất là làm cho bà mẹ phải đau khổ và vật cho bà chết. Người ta ngăn ngừa linh hồn xấu đó vĩnh viễn không trở về đầu thai bằng cách, trước khi chôn, lấy mực tàu hay son đánh dấu vào mặt hay lưng đứa trẻ vừa mất.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyền trong cuốn “Sinh hoạt của người Việt” (Nhà xuất bản Hội nhà văn) mô tả sự khốn khó của phụ nữ khi sinh đẻ và lý do vì họ đẻ nhiều để bù đắp cho trẻ em qua đời nhiều: “Trong bảng thống kê ngắn ngủi những sự hy sinh người phụ nữ thôn quê Việt Nam cam chịu, ta không quên được những kỳ sinh nở đau đớn và quá dày của họ. Thật đáng sợ khi thấy rằng mặc dù cực nhọc như vậy, phụ nữ vẫn chấp nhận đẻ nhiều con như thế. Chẳng hiếm thấy những cặp vợ chồng chỉ kiếm được mỗi năm 50 đồng mà vẫn có hai, ba con.

Khi ta vào một làng có hàng đàn trẻ nhỏ đi theo, tất cả đều ít nhiều rách rưới, cho đến khi ta đi khỏi làng. Thật là cảnh tượng vui mắt với các đầu óc thủ cựu: người ta sinh nhiều con để gia tộc vững bền mãi mãi và cũng để bù số trẻ con chết nhiều. Nhưng đằng sau cái cảnh tượng những nẻo đường làng lúc nhúc sự sống như thế là sự đau khổ biết chừng nào của người phụ nữ...”.

Ông Nguyễn Văn Huyền cũng bày tỏ rằng, người phụ nữ sau sinh vài ngày phải dậy đi làm, tất bật như không có chuyện gì xảy ra. Chính vì thế mà nhiều phụ nữ chết vì bệnh lao, căn bệnh mà người ta gọi là hậu sản (mắc phải sau khi sinh đẻ).

Phê phán về những hủ tục rườm rà, phản khoa học bủa vây người khi phụ nữ trong kỳ thai sản, cụ Phan Kế Bính viết trong “Việt Nam phong tục” rằng: “... ta khi xưa chưa hiểu cách vệ sinh, trong khi sinh sản nào là nằm than, uống nước tiểu, là một cách làm cho sinh bệnh, không trách đàn bà ta nhiều người hay sinh ra hậu sản mà ốm mòn. Đến lúc nuôi con lại hay tin những điều nhảm nhí, không có bực triết học nào mà triết hết những sự huyền ảo đấy...”.

TUẦN NGỌC

● Ảnh trong bài: (Nguồn: Tư liệu)

Khi bác sĩ trở thành “hot KOLs” để giáo dục y tế cộng đồng



● **Bác sĩ Trương Hữu Khanh** cực kỳ kiên nhẫn với những câu hỏi liên quan đến bệnh nhi.



● **Bác sĩ Trần Quốc Khánh**, Khoa Phẫu thuật Cột sống, Bệnh viện Việt Đức (Hà Nội) là một trong những người tiên phong sử dụng livestream để tư vấn y khoa. (Ảnh trong bài: FBNV)

Nghề y vốn đã quá tải bởi áp lực chuyên môn, khối lượng bệnh nhân lớn và những quyết định liên quan trực tiếp đến sinh - tử. Thế mà, nhiều bác sĩ vẫn chủ động dành thời gian lên mạng xã hội để chia sẻ kiến thức y khoa miễn phí, miệt mài giáo dục y tế cộng đồng. Những hành động ấy hơn cả trách nhiệm, đó còn là ý thức phục vụ xã hội, là lòng yêu nghề sâu sắc của người lương y.

Các bác sĩ rủ nhau “lên mạng”

Trong nghề y, chuyện bác sĩ làm việc liên tục 12 - 24 giờ, ăn vội, phải gác lại sở thích cá nhân, không dành nhiều thời gian chăm sóc gia đình là “chuyện thường”. Bởi vậy, việc nhiều bác sĩ vẫn lựa chọn “làm thêm” trên không gian mạng cho thấy một thực tế đáng mừng hiện nay: giáo dục y tế cộng đồng đang được chính các bác sĩ chủ động đảm nhận, trong bối cảnh thông tin sức khỏe trên mạng ngày càng phức tạp và khó kiểm soát.

Bác sĩ Trương Hữu Khanh là Bác sĩ chuyên khoa II, nguyên Trưởng khoa Nhiễm - Thần kinh, Bệnh viện Nhi Đồng 1 (TP HCM), hiện là Phó Chủ tịch Liên chi Hội Truyền nhiễm TP HCM. Ông là gương mặt quen thuộc với công chúng trong nhiều năm qua, đặc biệt mỗi khi dịch bệnh bùng phát hoặc xuất hiện những tranh luận liên quan đến tiêm chủng.

Trên mạng xã hội, bác sĩ Khanh không xây dựng hình ảnh cá nhân theo hướng “truyền thông hóa”. Ông viết và trả lời bình luận bằng đúng giọng điệu của một bác sĩ lâm sàng, rất ngắn gọn, trực diện, dựa trên y học chứng cứ. Điều khiến nhiều người nể phục ở bác sĩ Khanh là bởi sự kiên nhẫn khi trả lời những câu hỏi lặp đi lặp lại về sốt, ho, phát ban, tay - chân - miệng, sởi, sốt xuất huyết...

Trong nhiều đợt dịch bệnh, đặc biệt là thời điểm COVID-19 bùng phát, người ta thấy bác sĩ Khanh gần như “on-line” liên tục, trả lời hàng trăm câu hỏi mỗi ngày của phụ huynh lo lắng cho con. Với ông, mạng xã hội là một kênh mở rộng của phòng tư vấn, nơi ông cố gắng giúp người dân bớt hoang mang trước những thông tin nhiễu loạn.



● **Bác sĩ Hoàng Quốc Tường (Dr Chuột)** trong một clip cung cấp kiến thức y khoa.

Bác sĩ Khanh tự đặt cho mình “nick name” là “bác sĩ mẹ con nít”, và ông cũng được phụ huynh thân thiết gọi bằng cái tên ấy. Điều khiến bác sĩ Khanh được cộng đồng tin cậy và yêu quý chính là sự kiên trì lên tiếng về tiêm vắc xin, ngay cả khi làn sóng phản đối vắc xin lan rộng trên mạng xã hội. Không ít lần, ông trở thành mục tiêu công kích, xuyên tạc, thậm chí bị gán ghép động cơ. Bác sĩ Khanh chia sẻ rằng phần lớn những người hoài nghi vắc xin không phải vì ác ý, mà vì thiếu thông tin hoặc bị dẫn dắt bởi tin giả. Chính vì vậy, ông chọn cách nói chậm, nói lại, nói cho đến khi người đọc hiểu đúng, chứ không sa vào tranh luận.

Cũng là một “bác sĩ cho trẻ em” nổi tiếng, bác sĩ Hoàng Quốc Tường, Giảng viên bộ môn Nhi, Trường Đại học Y Dược TP HCM, bác sĩ tại Bệnh viện Nhi đồng 2 TP HCM) - thường được biết đến với tên gọi Dr. Chuột - lại tiếp cận cộng đồng bằng một cách rất trẻ trung và “hợp trend”.

Là bác sĩ nhi khoa, “Dr. Chuột” xây dựng các kênh mạng xã hội để chia sẻ kiến thức về nuôi con, dinh dưỡng, chăm sóc trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bằng hình thức video ngắn, minh họa sinh động, ngôn ngữ gần gũi. Nhiều video của anh thu hút hàng trăm nghìn lượt xem vì chạm đúng những băn khoăn rất thực tế của các bậc cha mẹ trẻ.

Bác sĩ Tường thường nói về các chủ đề xoay quanh việc nuôi, chăm sóc trẻ nhỏ bằng các tình huống cụ thể, rồi lý giải dựa trên cơ sở khoa học, để người xem tự cân nhắc và lựa chọn. Trong bối cảnh mạng xã hội tràn ngập những “chuyên gia nuôi con tự phong”, sự hiện diện của một bác sĩ nói chuyện giản dị nhưng chuẩn mực giúp nhiều phụ huynh có thêm điểm tựa thông tin đáng tin cậy,

thay vì hoang mang giữa vô số lời khuyên trái ngược.

Không chỉ trong lĩnh vực nhi khoa, nhiều bác sĩ ở các chuyên ngành khác cũng sớm nhận ra khoảng trống lớn trong việc giáo dục sức khỏe cộng đồng.

Bác sĩ Trần Quốc Khánh, từng công tác tại Khoa Phẫu thuật Cột sống, Bệnh viện Việt Đức (Hà Nội) là một trong những người tiên phong sử dụng livestream để tư vấn y khoa. Từ năm 2017, bác sĩ đã tổ chức các buổi tư vấn trực tuyến về bệnh lý cột sống, hướng tới những người bệnh ở xa, người cao tuổi hoặc không có điều kiện đến bệnh viện tuyến trung ương. Bác sĩ Khánh cho biết, anh bắt đầu sử dụng Facebook từ khoảng năm 2014, ban đầu chỉ để giải trí sau giờ làm việc. Tuy nhiên, trong quá trình công tác tại bệnh viện, anh gặp nhiều trường hợp bệnh nhân mắc các bệnh thông thường nhưng gia đình không nhận biết sớm, dẫn đến nhập viện khi bệnh đã chuyển nặng. Từ thực tế đó, anh nảy ra ý định chia sẻ kiến thức y học cơ bản trên mạng xã hội và nhanh chóng nhận được sự quan tâm và đồng tình của cộng đồng.

Với bác sĩ Trần Đức Cung, chuyên khoa Ung bướu - Phụ khoa, hiện đang làm việc tại Bệnh viện Ung bướu Hưng Việt, Hà Nội thì mạng xã hội là nơi để nói về những vấn đề mà ngoài đời, nhiều phụ nữ còn e ngại. Trên TikTok cá nhân, bác sĩ Cung thường xuyên chia sẻ kiến thức về bệnh lý phụ khoa, ung thư phụ khoa, dấu hiệu sớm và cách phòng tránh.

Trong phần bình luận dưới các video, không ít người chia sẻ rằng họ đã quyết định kiểm tra sức khỏe sớm hơn sau khi xem các nội dung này. Những phản hồi ấy cho thấy tác động thiết thực của việc

truyền thông y tế đúng cách, đặc biệt với các vấn đề nhạy cảm thường bị trì hoãn vì tâm lý e dè.

Vượt trên trách nhiệm, nhưng không vượt quá giới hạn nghề nghiệp

Các kênh cá nhân của bác sĩ thường tạo được hiệu quả truyền thông sức khỏe rõ rệt bởi sự gần gũi và tính cá nhân hóa trong cách chia sẻ. Khi thông tin được truyền tải trực tiếp từ người đang làm nghề, bằng những câu chuyện, trải nghiệm lâm sàng cụ thể, người nghe dễ tiếp nhận và tin tưởng hơn. Sự tương tác thường xuyên giúp bác sĩ kịp thời giải thích những băn khoăn rất đời của người bệnh, từ đó góp phần điều chỉnh nhận thức và thói quen chăm sóc sức khỏe.

Dù có mức độ ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội, các bác sĩ tham gia giáo dục y tế cộng đồng đều giữ nguyên tắc nghề nghiệp một cách rõ ràng. Nội dung chia sẻ chỉ dừng ở tư vấn, định hướng kiến thức và cảnh báo nguy cơ, không thay thế hoạt động khám, chữa bệnh trực tiếp. Các bác sĩ không đưa ra chẩn đoán hay phác đồ điều trị từ xa, luôn khuyến nghị người dân đến cơ sở y tế khi có dấu hiệu bất thường. Việc giữ vững ranh giới này giúp bảo đảm an toàn cho người bệnh và giữ gìn chuẩn mực hành nghề y trong môi trường số.

Ngoài những bác sĩ được nhắc đến, thực tế còn có hàng trăm bác sĩ ở nhiều chuyên khoa khác nhau đang âm thầm sử dụng mạng xã hội như một kênh hỗ trợ y tế cộng đồng. Họ chia sẻ kiến thức phòng bệnh, giải thích thông tin y khoa, cảnh báo nguy cơ và hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ y tế đúng cách. Dù có người nổi tiếng, nhiều fan hâm mộ, có người thì lướt theo dõi không nhiều, nhưng những đóng góp bên bỉ ấy góp phần lan tỏa tri thức y khoa chuẩn xác, giảm nhiễu loạn thông tin và thể hiện tinh thần trách nhiệm đáng trân trọng của người làm nghề.

Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh, không gian thông tin về y tế đang trở nên ngày càng phức tạp. Bên cạnh những kênh chia sẻ kiến thức chính thống, xuất hiện ngày càng nhiều cá nhân tự nhận là “bác sĩ”, “chuyên gia y tế”, “nhà chữa lành”, “thầy thuốc tự nhiên” dù không có nền tảng đào tạo bài bản. Những người này thường đưa ra các phương pháp điều trị mang tính truyền miệng hoặc suy diễn cá nhân như chữa bệnh bằng thái độ cực đoan, hoặc thay thế hoàn toàn điều trị y khoa bằng chế độ ăn uống và luyện tập không có cơ sở khoa học.

Các nội dung này thường được trình bày hấp dẫn, đánh vào tâm lý sợ bệnh viện, sợ thuốc, sợ tác dụng phụ của người bệnh, từ đó dẫn dắt họ tin rằng có thể “tự chữa khỏi” nếu kiên trì áp dụng các phương pháp trên. Trên thực tế, không ít trường hợp bệnh nhân trì hoãn điều trị, bỏ dở phác đồ y khoa hoặc đến bệnh viện khi bệnh đã chuyển nặng, chỉ vì tin theo những lời khuyên sai lệch trên mạng.

Trong bối cảnh đó, sự xuất hiện thường xuyên và nhất quán của các bác sĩ được đào tạo bài bản trên mạng xã hội mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc các bác sĩ chủ động lên tiếng, giải thích, chỉnh sửa những thông tin sai lệch không chỉ giúp người dân tiếp cận kiến thức y khoa đúng đắn, mà còn góp phần định hướng lại nhận thức cộng đồng: chăm sóc sức khỏe cần dựa trên khoa học, không thể đặt cược sinh mạng vào những phương pháp thiếu kiểm chứng. Đây cũng chính là lý do khiến truyền thông y tế cộng đồng từ các bác sĩ chính thống trở thành một nhu cầu thiết yếu trong đời sống hiện nay. **ĐỒNG PHƯƠNG**

Mang âm nhạc đổi lấy những nụ cười nơi bệnh viện



● Khi tiếng đàn vang lên, bệnh nhân cùng cất tiếng hát để quên đi đau đớn, bệnh tật, tìm lại sự lạc quan cho mình. (Ảnh: Mai Hằng)

Dưới ánh đèn dịu của một phòng bệnh cuối hành lang, tiếng đàn viola, đàn dương cầm vang lên chậm rãi, từng nốt nhạc như giọt nước thấm dần vào không gian vốn quen mùi thuốc sát trùng và tiếng máy móc. Ở đó, những nghệ sĩ không đứng trên sân khấu lớn, không có tràng pháo tay hay ánh hào quang rực rỡ, nhưng họ đang làm một công việc thầm lặng mà sâu sắc: chữa lành tâm hồn cho các bệnh nhân bằng âm nhạc, bằng tiếng đàn, bằng chính sự hiện diện đầy nhân ái của mình.

Nơi yêu thương bắt đầu

Trong đời sống hiện đại, khi y học ngày càng phát triển với những kỹ thuật cao, âm nhạc vẫn giữ một vai trò đặc biệt như một liều thuốc tinh thần, giúp con người vượt qua đau đớn, lo âu và nỗi sợ hãi.

Theo nghệ sĩ viola quốc tế Nguyệt Thu, âm nhạc từ lâu đã được xem là ngôn ngữ chung của nhân loại, có khả năng chạm tới những cảm xúc mà lời nói không thể diễn đạt. Đối với bệnh nhân, nhất là những người phải điều trị dài ngày, nỗi mệt mỏi không chỉ đến từ thể xác mà còn từ tâm lý. Những ngày nằm viện kéo dài, xa gia đình, đối diện với chẩn đoán và những ca điều trị khắc nghiệt dễ khiến họ rơi vào trạng thái trầm buồn, mất niềm tin. Trong bối cảnh đó, sự xuất hiện của các nghệ sĩ với cây đàn guitar mộc mạc, cây violon trầm lắng hay giọng hát ấm áp đã mở ra một cánh cửa khác, nơi bệnh nhân được phép thả lỏng, được khóc, được mỉm cười và được nhớ về những điều đẹp đẽ trong cuộc sống.

“Âm nhạc có khả năng chữa lành và cải thiện tâm trạng, giúp bệnh nhân giảm đau, giảm căng thẳng và tạo ra một môi trường thư giãn, tích cực trong bệnh viện. Đây cũng chính là vẻ đẹp, giá trị của âm nhạc mà chúng tôi muốn hướng đến. Vì vậy, “Nơi yêu thương bắt đầu” đưa âm nhạc chữa lành qua qua các buổi biểu diễn âm nhạc trực tiếp trong các bệnh viện nhằm nâng cao tinh thần và tâm trạng của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và các nhân viên y tế” - nghệ sĩ Nguyệt Thu tâm sự.

Dự án âm nhạc cộng đồng “Nơi yêu thương bắt đầu” của

nghệ sĩ viola Quốc tế Nguyệt Thu có sự đồng hành của Quỹ Vì trẻ em khuyết tật Việt Nam, Sky-com Việt Nam được triển khai tại Bệnh viện Bạch Mai và Khoa Hỗ trợ giảm nhẹ (Bệnh viện Ung bướu Hà Nội).

Dự án âm nhạc cộng đồng “Nơi yêu thương bắt đầu” đưa âm nhạc chữa lành qua những buổi biểu diễn trong bệnh viện; áp dụng các liệu pháp âm nhạc có hệ thống và theo dõi tác động của âm nhạc dưới sự giám sát chặt chẽ của các chuyên gia y tế và tạo một quỹ để có thể hỗ trợ kịp thời cho bệnh nhân khó khăn và hiểm nghèo...

Âm nhạc trị liệu từng làm kiểm chứng lâm sàng trên bệnh nhân dưới sự đồng hành của bác sĩ khi áp dụng các liệu pháp âm nhạc có hệ thống và theo dõi tác động của chúng dưới sự giám sát chặt chẽ của các chuyên gia y tế. Việc chứng minh lâm sàng về hiệu quả của âm nhạc trị liệu sẽ giúp hợp pháp hóa và mở rộng việc sử dụng âm nhạc như một phương pháp điều trị bổ trợ, mang lại lợi ích toàn diện cho bệnh nhân.

Không chỉ vậy, “Nơi yêu thương bắt đầu” còn có một quỹ nhằm hỗ trợ tài chính cho các bệnh nhân gặp khó khăn hoặc bị bệnh nặng, giúp họ có điều kiện tiếp cận điều trị. Quỹ này sẽ bảo đảm rằng mọi bệnh nhân, bất kể hoàn cảnh kinh tế, đều có cơ hội được chữa trị và chăm sóc tốt nhất, qua đó khẳng định tình cảm và trách nhiệm cộng đồng.

Tiếng đàn thay cho tiếng “píp píp” của máy điều trị bệnh

Điều đáng trân trọng là nhiều nghệ sĩ đã lựa chọn con đường này như một phần quan trọng



● Nghệ sĩ viola Quốc tế Nguyệt Thu tặng bản nhạc êm dịu dành cho bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối. (Ảnh: PV)



● Âm nhạc có khả năng chữa lành và cải thiện tâm trạng, giúp bệnh nhân giảm đau, giảm căng thẳng và tạo ra một môi trường thư giãn, tích cực trong bệnh viện. (Ảnh: PV)

trong hành trình nghề nghiệp của mình. Họ có thể vẫn biểu diễn trên sân khấu lớn, tham gia các dự án nghệ thuật chuyên nghiệp, nhưng song song đó, họ dành thời gian đến bệnh viện, trung tâm phục hồi chức năng hay nhà dưỡng lão. Với họ, những buổi biểu diễn ấy mang lại một giá trị khác, sâu sắc và bền bỉ hơn. Không ít người thừa nhận rằng chính ánh mắt, nụ cười và lời cảm ơn của bệnh nhân đã giúp họ hiểu rõ hơn ý nghĩa của nghệ thuật, rằng âm nhạc không chỉ để giải trí mà còn để sẻ chia và chữa lành.

Ở Việt Nam, những năm gần đây, nhiều nhóm nghệ sĩ thiện nguyện đã hình thành, kiên trì mang âm nhạc đến bệnh viện, trung tâm điều dưỡng và cơ sở chăm sóc đặc biệt. Có nhóm chọn đàn guitar và hát mộc, có nhóm mang theo piano điện, violon, sáo trúc, thậm chí là những nhạc cụ dân tộc. Việc sử dụng âm nhạc truyền thống trong môi trường y tế tạo nên một nét rất riêng, khi những làn điệu dân ca, những khúc nhạc quê hương gọi lại cảm giác gần gũi, thân thuộc, giúp bệnh nhân cảm thấy như đang ở nhà.

Tại nhiều Bệnh viện: Bạch Mai, Ung bướu, Tim Hà Nội, 108, K... hình ảnh những buổi hòa nhạc nhỏ ngay tại sảnh chờ hay trong khu điều trị không còn xa lạ.

Có nghệ sĩ là nhạc công chuyên nghiệp, có người là ca sĩ, thậm chí là y, bác sĩ, có người chỉ đơn giản là những người yêu âm nhạc và sẵn sàng mang tiếng đàn của mình đến sẻ chia. Họ biểu diễn không vì cát-sê, không vì danh tiếng, mà vì mong muốn mang lại sự an ủi cho những con

người đang yếu đuối nhất. Một bản nhạc quen thuộc có thể khiến bệnh nhân lớn tuổi nhớ lại thời thanh xuân, một khúc hát thiếu nhi có thể làm dịu nỗi sợ của những em nhỏ đang truyền hóa chất, còn những giai điệu không lời nhẹ nhàng giúp người bệnh dễ dàng chìm vào giấc ngủ hơn sau những cơn đau kéo dài.

Đầu tháng 9/2025, tại chương trình “Mang âm nhạc tới bệnh viện”, trước sảnh Cụm toà nhà trung tâm Bệnh viện 108 dựng lên một sân khấu nhỏ độc đáo nhạc cụ, đây là món quà từ gia đình nhỏ của Đại tá, TS, BSKII Phùng Văn Tuấn - Trưởng Ban Quản lý chất lượng Bệnh viện. Pianist nhí Ngọc Diệp, Hà My, Guitarist Duy Trường và “mini show” với gần 20 nhạc phẩm đã diễn ra đặc biệt thành công, thể hiện ở những nụ cười, tiếng vỗ tay của khán giả và sự góp giọng của nhiều người bệnh, người nhà bệnh.

Nhiều nghệ sĩ chia sẻ rằng, khi bước chân vào bệnh viện, họ phải học cách tiết chế cái tôi sân khấu của mình. Ở đó, không cần những kỹ thuật phô diễn hay những cao trào mạnh mẽ, điều quan trọng nhất là sự lắng nghe. Lắng nghe nhịp thở của không gian, lắng nghe tâm trạng của người bệnh để chọn bản nhạc phù hợp. Có khi chỉ là một giai điệu ru con quen thuộc, có khi là một ca khúc trữ tình nhẹ nhàng, cũng có lúc là tiếng đàn độc tấu giản dị nhưng đủ để khiến cả căn phòng lắng lại. Chính sự tinh tế ấy đã tạo nên sức mạnh chữa lành của âm nhạc.

Ở những nơi ấy, mỗi nốt nhạc đều cần sự cẩn trọng và tôn trọng tuyệt đối. Âm nhạc không nhằm

thay đổi hiện thực khắc nghiệt, mà để giúp người bệnh và gia đình họ đối diện với hiện thực ấy bằng sự bình an hơn. Có những buổi đàn hát rất ngắn, chỉ vài phút, nhưng đủ để người bệnh cảm thấy nhẹ nhõm, đủ để người thân nắm chặt tay nhau và cùng lắng nghe trong im lặng.

Không ít câu chuyện xúc động đã được kể lại từ những buổi biểu diễn đặc biệt này. Có bệnh nhân ung thư từng nhiều ngày không nói chuyện, ánh mắt luôn u ám, nhưng khi nghe tiếng violon, viola, dương cầm vang lên bản nhạc yêu thích, họ khẽ mỉm cười và thì thầm hát theo. Có những em nhỏ vốn sợ hãi kim tiêm, truyền dịch, nhưng khi được nghe nghệ sĩ chơi đàn và hát ngay bên giường bệnh, các em trở nên hợp tác hơn, bình tĩnh hơn. Với người thân bệnh nhân, âm nhạc cũng là một điểm tựa tinh thần, giúp họ vui bớt nỗi lo âu và cảm thấy mình không đơn độc trong hành trình đầy thử thách.

Các bác sĩ và chuyên gia tâm lý cũng ngày càng ghi nhận vai trò tích cực của âm nhạc trong quá trình điều trị. Theo, Đại tá, TS, BSKII Phùng Văn Tuấn - Trưởng Ban Quản lý chất lượng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, âm nhạc có thể giúp giảm căng thẳng, hạ nhịp tim, ổn định huyết áp và cải thiện tâm trạng. Khi tinh thần được nâng đỡ, người bệnh có xu hướng hợp tác tốt hơn với phác đồ điều trị, ăn ngủ điều độ hơn và giữ được niềm tin vào khả năng hồi phục. Trong bối cảnh đó, các nghệ sĩ không chỉ là người biểu diễn mà trở thành một phần của hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe toàn diện, nơi thể chất và tinh thần được quan tâm song hành. Vì vậy, Đại tá, TS, BSKII Phùng Văn Tuấn đã đưa hai con gái, một bé 14 tuổi, một bé 7 tuổi tới nơi bố làm việc hàng ngày để gửi tặng món quà tinh thần đến cho mọi người.

Nghệ sĩ Nguyệt Thu chia sẻ, trong những căn phòng bệnh nhỏ, ranh giới giữa nghệ sĩ và khán giả dường như biến mất. Tiếng đàn thay cho tiếng “píp píp” của các máy điều trị bệnh. Ở đó chỉ còn những con người đang cùng nhau lắng nghe thanh âm của tiếng đàn, cùng nhau cảm nhận và cùng nhau hy vọng. Một bệnh nhân có thể không nhớ tên nghệ sĩ, không nhớ chính xác bản nhạc đã nghe, nhưng cảm giác được an ủi, được quan tâm thì ở lại rất lâu. Đó chính là sức mạnh bền bỉ của âm nhạc, thứ sức mạnh không ồn ào nhưng thấm sâu, giúp con người vượt qua những thời khắc khó khăn nhất.

Có thể nói, giá trị cao nhất mà hành trình đưa chương trình nghệ thuật tới bệnh viện là đem lại là những nụ cười từ các bệnh nhân, các thầy thuốc... Những tiếng đàn, lời ca tiếng hát đã góp phần xua đi nỗi đau do bệnh tật và nỗi buồn của bệnh nhân nghèo; xua đi sự căng thẳng và mệt mỏi của các y, bác sĩ. Ở đó âm nhạc không phải là cái gì cao sang, hàn lâm mà chỉ với phương châm “mang âm nhạc đổi lấy những nụ cười nơi bệnh viện”. **THUYẾT DƯƠNG**

Ngành Du lịch Việt Nam đánh dấu bước phát triển mới



● Lãnh đạo Bộ VH,TT&DL, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam và lãnh đạo tỉnh An Giang đón vị khách thứ 20 triệu. (Ảnh: Trần Quốc Đạt)

Lần đầu tiên trong 65 năm hình thành và phát triển, ngành Du lịch Việt Nam đạt được cột mốc 20 triệu lượt khách quốc tế trong một năm, đánh dấu một bước phát triển mới trong tiến trình phục hồi, hội nhập sâu rộng vào thị trường du lịch thế giới, khẳng định vị thế, uy tín, lợi thế cạnh tranh của du lịch Việt Nam trên toàn cầu.

Hân hoan đón vị khách du lịch quốc tế thứ 20 triệu đến Việt Nam

Tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, chiều 15/12, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VH,TT&DL), Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam phối hợp với UBND tỉnh An Giang và các doanh nghiệp tại địa bàn long trọng tổ chức “Lễ đón vị khách du lịch quốc tế thứ 20 triệu đến Việt Nam”. Lễ đón với các nghi thức đón đoàn khách tại chân máy bay, trao hoa chào mừng, trình diễn nghệ thuật truyền thống, công bố và trao Giấy chứng nhận cùng quà lưu niệm cho ba vị khách đặc biệt: vị khách thứ 19.999.999, 20.000.000 và 20.000.001.

Xúc động khi nhận được những phần quà đặc biệt mang đậm dấu ấn của đảo ngọc, chị Karolina Agnieszka Muskus đến từ Ba Lan, vị khách thứ 20 triệu đã chia sẻ: “Ngay lúc này, tôi thực sự xúc động đến rơi nước mắt. Tôi cảm thấy rất may mắn khi có mặt ở đây và có cơ hội được đến Việt Nam. Đất nước các bạn thật đẹp. Con người thì thân thiện, ấm áp và cởi mở. Tôi muốn nói rằng: “Tôi yêu Việt Nam” và “Xin chào Việt Nam”. Đây là khoảnh khắc mà tôi sẽ trân trọng suốt cuộc đời mình. Đây là lần đầu tiên tôi đến Việt Nam, nhưng chắc chắn sẽ

không phải lần cuối. Tôi sẽ giới thiệu tất cả bạn bè, người thân tại Ba Lan đến thăm đất nước tuyệt vời này”.

Lễ đón hành khách thứ 20 triệu thể hiện sự tri ân, đồng thời, tái khẳng định rằng Việt Nam không chỉ là điểm đến của những chuyến đi, mà là điểm đến của cảm xúc, ký ức và sự kết nối lâu dài.

Đây là lần đầu tiên trong 65 năm hình thành và phát triển, ngành Du lịch Việt Nam đạt được cột mốc 20 triệu lượt khách quốc tế trong một năm, đánh dấu một bước phát triển mới trong tiến trình phục hồi, hội nhập sâu rộng vào thị trường du lịch thế giới, khẳng định vị thế, uy tín, lợi thế cạnh tranh của du lịch Việt Nam trên toàn cầu.

Phát biểu tại sự kiện, Thứ trưởng Bộ VH,TT&DL Hồ An Phong cho biết, cột mốc này càng có ý nghĩa sâu sắc khi đạt được trong bối cảnh du lịch toàn cầu vừa trải qua giai đoạn khó khăn chưa từng có do đại dịch Covid-19. Kể từ khi Việt Nam mở cửa hoàn toàn hoạt động du lịch từ ngày 15/3/2022, ngành Du lịch đã phục hồi và tăng trưởng liên tục: năm 2023 đón 12,6 triệu lượt khách quốc tế; năm 2024 đạt 17,6 triệu lượt và năm 2025 dự kiến đón trên 21 triệu lượt, vượt xa mức 18 triệu lượt của năm 2019 - thời điểm trước đại dịch.

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng du lịch cao nhất thế giới

Với tốc độ tăng trưởng khoảng 21%, du lịch Việt Nam được Tổ chức Du lịch Liên hợp quốc (UN Tourism) đánh giá nằm trong nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất thế giới, trong bối cảnh tăng trưởng bình quân toàn cầu năm 2025 chỉ đạt khoảng 5%, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đạt 8% và du lịch thế giới mới chỉ phục hồi khoảng 90% so với trước dịch.

Năm 2025, du lịch Việt Nam tiếp tục được cộng đồng quốc tế ghi nhận khi lần thứ 6 được World Travel Awards vinh danh là “Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới” và lần thứ 7 đạt danh hiệu “Điểm đến hàng đầu châu Á”, cùng nhiều giải thưởng uy tín dành cho các địa phương, điểm đến và doanh nghiệp du lịch Việt Nam.

Cột mốc 20 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam bên cạnh khẳng định sức hút ngày càng gia tăng của Việt Nam trên bản đồ du lịch thế giới, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ, đa dạng hóa thị trường, hướng tới khách quốc tế có chi tiêu cao, lưu trú dài ngày nhằm góp phần đạt doanh thu du lịch 1 triệu tỉ đồng năm 2025.

Đồng thời, cột mốc 20 triệu cũng khẳng định niềm tin ngày càng lớn của du khách quốc tế vào một Việt Nam an toàn, thân thiện, hấp dẫn và giàu trải nghiệm, đánh dấu một Việt Nam rộng mở, tự tin, sẵn sàng chào đón thế giới.

“Những kết quả ấn tượng đó có được nhờ sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước, Chính

phủ và Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương; sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp; sự ủng hộ của các cơ quan báo chí, truyền thông; và đặc biệt là sự thân thiện, mến khách của người dân Việt Nam - yếu tố cốt lõi tạo nên những trải nghiệm tích cực và dấu ấn sâu sắc trong lòng du khách quốc tế” - Thứ trưởng Bộ VH,TT&DL Hồ An Phong nhấn mạnh.

Sự bứt phá của du lịch Việt Nam thời gian qua được thúc đẩy bởi các chính sách đột phá về thị thực, mở rộng diện miễn thị thực, triển khai thị thực điện tử, kéo dài thời hạn lưu trú; mở rộng kết nối hàng không với các thị trường trọng điểm; đổi mới mạnh mẽ công tác xúc tiến - quảng bá theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ và tăng cường hợp tác công - tư; cùng với đó là đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, từng bước xây dựng môi trường du lịch chuyên nghiệp, lành mạnh và hấp dẫn”, ông Hồ An Phong bày tỏ.

Năm 2025 được xác định là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, trong thời gian tới ngành Du lịch cần tiếp tục tăng tốc, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh để du khách có thể trải nghiệm Việt Nam một cách tốt nhất; phát triển du lịch xanh, du lịch cộng đồng, gắn liền với những mô hình kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn để mỗi hành trình không chỉ là khám phá mà còn là đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước; xây dựng và nâng tầm hệ thống sản phẩm du lịch đậm đà bản sắc dân tộc, độc đáo, sáng tạo, chuyên nghiệp, chất lượng vượt trội để khẳng định: Việt Nam là điểm đến hấp dẫn, an toàn, văn minh, thân thiện.

Bộ VH,TT&DL đã và đang chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp nhằm: Sớm hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số toàn diện; tăng cường kết nối, hỗ trợ và “lấy trải nghiệm của khách du lịch làm trung tâm”; Phát động phong trào thi đua “Dịch vụ chuyên nghiệp, phục vụ ân cần, ứng xử văn minh, môi trường xanh, sạch, đẹp”, mang đến “Nụ cười du lịch Việt Nam”; Phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch đa dạng, độc đáo trên cơ sở tiềm năng khác biệt, gắn với phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc phù hợp với xu hướng mới: du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch nông nghiệp và sản phẩm đặc thù theo vùng, du lịch ẩm thực...; Hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối điểm đến; Tập trung xúc tiến quảng bá theo các chiến dịch có trọng tâm, trọng điểm, tận dụng tối đa sức mạnh truyền thông, huy động sự hợp tác của các cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài, truyền thông qua mạng xã hội; Thúc đẩy hợp tác du lịch song phương, hợp tác thông qua các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

Với sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự phối hợp, đồng hành của các Bộ, ngành, địa phương và sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp, ngành Du lịch sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước, góp phần tạo dựng hình ảnh điểm đến Việt Nam thân thiện, hấp dẫn, khẳng định thương hiệu du lịch Việt Nam trên bản đồ du lịch khu vực và quốc tế.

THUỖ DƯƠNG



● Hướng dẫn du khách quốc tế tham quan Văn Miếu - Quốc Tử Giám. (Ảnh: Nguyễn Quang)

Tại Hội nghị triển khai chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng khách du lịch trong năm 2025 theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ, ông Vũ Thế Bình - Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam nhấn mạnh, để tăng nhanh lượng khách quốc tế vào Việt Nam, Hiệp hội Du lịch Việt Nam tập trung thực hiện đẩy mạnh truyền thông số, xúc tiến trên các nền tảng số để đưa du lịch Việt Nam ra thế giới, trước tiên tập trung vào các thị trường trọng điểm và các thị trường mới nổi. Ngoài ra, Hiệp hội Du lịch Việt Nam ưu tiên xúc tiến trực tiếp với các công ty lữ hành ở các quốc gia và vùng lãnh thổ là thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam thông qua việc tổ chức các đoàn FAM quốc tế; Giới thiệu với các doanh nghiệp này các sản phẩm mới, các dịch vụ hấp dẫn để họ có thể tổ chức ngay các đoàn khách đến Việt Nam trong năm 2025 và những năm sau.

Xu hướng chuyển dịch dân số định hình bức tranh toàn cầu

Trong thế kỷ 21, dân số không chỉ là một chỉ số thống kê mà là yếu tố định hình nguồn nhân lực, nhu cầu tiêu dùng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Bức tranh dân số thế giới đang trải qua những biến chuyển sâu sắc: từ già hóa nhanh, sụt giảm sinh ở các nền kinh tế phát triển đến bùng nổ dân số ở châu Phi. Hiểu rõ các xu hướng dân số giúp quốc gia hoạch định chính sách hiệu quả và thích ứng bền vững với thời đại mới.



● Hàn Quốc là một trong những quốc gia có tỷ lệ sinh thấp nhất thế giới. (Nguồn: Reuters)

Tỷ lệ sinh giảm sâu ở nhiều khu vực

Theo báo cáo World Population Prospects 2024 (Dự đoán Dân số Thế giới 2024) của UN DESA (Phòng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc), dân số toàn cầu được đạt khoảng 8,18 tỷ người vào giữa năm 2025. Mặc dù vẫn tiếp tục tăng, tốc độ tăng đã giảm đáng kể trong hai thập kỷ qua. Tỷ lệ tăng dân số toàn cầu giảm từ 2,1% vào thập niên 1960 xuống chỉ còn khoảng 0,8% - 0,9% năm 2024, mức thấp nhất kể từ năm 1950.

Một trong những nguyên nhân cốt lõi khiến tốc độ tăng dân số toàn cầu chậm lại là tỷ suất sinh giảm mạnh ở nhiều khu vực. Tại Hàn Quốc, mức sinh năm 2023 chỉ còn 0,72 con/phụ nữ - thấp nhất thế giới. Nhật Bản duy trì mức 1,2 - 1,3 suốt nhiều năm, kéo theo dân số giảm liên tục từ 2010. Ở châu Âu, mức sinh trung bình 1,53 cũng không đủ để bảo đảm tỷ lệ thay thế. Ngay cả các quốc gia mới nổi như Thái Lan, Trung Quốc, Brazil hay Chile đều đã rơi xuống dưới 1,5. Những nguyên nhân chính bao gồm xu hướng kết hôn muộn, chi phí nuôi dạy trẻ quá cao, đô thị hóa nhanh, áp lực công việc và sự thay đổi trong quan niệm về gia đình cũng như vai trò giới.

Hệ quả của mức sinh thấp là lực lượng lao động bị thu hẹp, gánh nặng phúc lợi xã hội tăng lên, hệ thống y tế và lương hưu chịu áp lực lớn, đồng thời tăng trưởng kinh tế dài hạn bị đe dọa. Dù nhiều quốc gia đang triển khai các gói hỗ trợ lớn như trợ cấp sinh, nhà ở, nghỉ sinh linh hoạt, nhưng kết quả vẫn hạn chế, bởi biến động nhân khẩu học gắn chặt với cấu trúc xã hội và lối sống hiện đại vốn khó đảo ngược trong ngắn hạn.

Bên cạnh mức sinh giảm, đô thị hóa nhanh cũng đang định hình lại cấu trúc dân số toàn cầu. Hiện nay, khoảng 56% dân số thế giới sống tại đô thị và dự báo sẽ tăng lên 68% vào năm 2050. Đô thị hóa mang lại động lực tăng trưởng mạnh mẽ, tạo ra các trung tâm đổi mới và việc làm, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều sức ép về giao thông, nhà ở, môi trường và hạ tầng công cộng. Quá trình này còn làm thay đổi sâu sắc mô hình gia đình: quy mô nhỏ hơn, kết hôn muộn hơn và ưu tiên sự nghiệp nhiều hơn, góp phần kéo tỷ suất sinh xuống mức thấp kỷ lục ở nhiều khu vực.

Xu hướng già hóa dân số bao trùm toàn cầu

Theo thống kê của Liên hợp quốc, đến năm 2050 cứ 6 người trên thế giới sẽ có 1 người trên 65 tuổi, tăng mạnh so với tỷ lệ 1/11 vào năm 2019. Đây là xu hướng mang tính toàn cầu nhưng diễn ra với tốc độ rất khác nhau giữa các khu vực. Châu Âu và Đông Á hiện dẫn đầu quá trình già hóa: Nhật Bản đã có hơn 29% dân số từ 65 tuổi trở lên, mức cao nhất thế giới; trong khi Ý, Đức và Tây Ban Nha đều ở ngưỡng 23 - 24%. Tại Hàn Quốc, tốc độ già hóa thậm chí được dự báo là nhanh và sâu nhất, với hơn 37% dân số bước vào nhóm cao tuổi vào năm 2050. Trung Quốc cũng đối mặt áp lực tương tự khi dự báo sẽ có khoảng 400 triệu người trên 65 tuổi vào năm 2050, so với 210 triệu người trên 65 tuổi năm 2023.

Già hóa dân số xuất phát từ ba yếu tố chính: tuổi thọ tăng nhờ tiến bộ y tế; tỷ suất sinh giảm sâu tại nhiều quốc gia; và

di cư của lực lượng trẻ sang các nước khác (đặc biệt tại Đông Âu và các nước vùng Baltic). Hệ quả kéo theo là toàn diện: nguồn lao động thu hẹp, thiếu hụt nhân lực ở các ngành chủ chốt; chi phí y tế và phúc lợi xã hội tăng nhanh; áp lực lên ngân sách nhà nước gia tăng khi số người đóng thuế giảm trong khi số người hưởng lương hưu tăng. Cùng với đó, nhu cầu phát triển các công nghệ phục vụ người cao tuổi như robot hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe từ xa và nhà thông minh trở nên cấp bách.

Trước tình thế này, nhiều quốc gia buộc phải mở rộng chính sách thu hút lao động nhập cư để bù đắp thiếu hụt nhân lực, điển hình như Đức, Canada, Úc hay Singapore. Đây được xem là một trong những giải pháp hiệu quả nhất để giảm áp lực của già hóa và duy trì tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Trong bối cảnh đó, di cư quốc tế đang trở thành một trong những xu hướng nhân khẩu học quan trọng. Theo Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM), năm

2023 có hơn 281 triệu người di cư quốc tế, chiếm 3,6% dân số toàn cầu, con số đã tăng gấp đôi so với năm 1990. Di cư diễn ra vì nhiều nguyên nhân như tìm kiếm cơ hội kinh tế tốt hơn, xung đột và bất ổn chính trị và ngày càng nhiều là tác động của biến đổi khí hậu khiến hàng chục triệu người mỗi năm buộc phải rời bỏ nơi ở do thiên tai. Ở góc độ tích cực, di cư có thể bù đắp đáng kể tình trạng suy giảm dân số và thiếu hụt lao động tại các quốc gia già hóa, tỷ lệ sinh thấp, đặc biệt ở châu Âu, Bắc Mỹ hay Đông Á. Tuy nhiên, xu hướng này đồng thời tạo ra tình trạng “chảy máu chất xám” ở nhiều nước đang phát triển và làm tăng áp lực lên hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục ở các nước tiếp nhận.

Châu Phi bùng nổ dân số

Trong khi nhiều khu vực trên thế giới đang già hóa và giảm sinh, châu Phi lại bước vào giai đoạn bùng nổ dân số mạnh nhất lịch sử. Theo UNFPA, đến năm 2050, hơn một nửa mức tăng dân số toàn cầu sẽ đến từ khu vực cận Sahara. Dân số châu Phi dự kiến tăng từ 1,46 tỷ người năm 2024 lên 2,5 tỷ vào năm 2050; riêng Nigeria có khả năng vượt Mỹ để trở thành quốc gia đông dân thứ ba thế giới, sau Ấn Độ và Trung Quốc. Đáng chú ý, hơn 60% dân số châu Phi dưới 25 tuổi, khiến nơi đây trở thành châu lục trẻ nhất hành tinh.

Xu hướng này đi kèm cả cơ hội lẫn thách thức. Về cơ hội, lực lượng lao động trẻ tạo ra “lợi tức dân số”, mở ra tiềm năng tăng trưởng lớn trong giáo dục, công nghệ, đô thị hóa, sản xuất và tiêu dùng. Một thị trường trẻ, năng động cũng có thể giúp châu Phi trở thành trung tâm kinh tế mới của thế kỷ 21. Tuy nhiên, thách thức cũng không nhỏ: áp lực ngày càng lớn lên hệ thống giáo dục, y tế, hạ tầng và an ninh lương thực; nguy cơ thất nghiệp thanh niên và bất ổn xã hội; cùng tác động nặng nề của biến đổi khí hậu đối với một khu vực vốn đã chịu nhiều bất bình đẳng. Các cơ quan chuyên môn đánh giá, nếu được quản lý hiệu quả bằng chiến lược dài hạn và đầu tư đúng mức, châu Phi có thể trở thành động lực phát triển mới của thế giới. Ngược lại, tăng dân số quá nhanh mà không đi kèm năng lực hấp thụ kinh tế - xã hội sẽ tạo ra vòng xoáy nghèo đói, xung đột và di cư khó kiểm soát.

DIỆU BẢO

THÔNG BÁO XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung);
- Căn cứ Bản án số 637/2025/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định thi hành án số 8480/QĐ-THADS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (địa chỉ: tổ dân phố Nhân Mỹ, phường Tứ Liêm, thành phố Hà Nội) thông báo tìm chủ sở hữu tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29B2-138.27, số máy: JK03E2443589, số khung: RLHJK0314MY536945 (là vật chứng trong vụ án Nguyễn Ngọc Phi và đồng bọn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”).

Tổ chức/cá nhân là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản nêu trên liên hệ với Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để cung cấp tài liệu chứng minh và nhận lại tài sản theo quy định.

Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu tài sản, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội sẽ sung quỹ Nhà nước theo quyết định của Bản án.

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Pháp luật
VIỆT NAM

● Tổng Biên tập:
TS VŨ HOÀI NAM

● Phó Tổng Biên tập:
HÀ ANH BÌNH
TRẦN NGỌC HÀ
VŨ HỒNG THÚY

● Tổ chức thực hiện:
BUI THỊ XUÂN HOA

● TÒA SOẠN:

- Số 42 ngõ 29 Nguyễn Chí Thanh,
phường Giảng Võ, TP Hà Nội.
- Số 142 Trần Phú, phường Hà Đông,
TP Hà Nội

*ĐT: (024) 37245180

*Fax: (024) 37245178

*Email: baoplvn2014@gmail.com.

● GPXB số 180/GP-BTTTT

ngày 05/07/2024 do Bộ Thông tin và

Truyền thông cấp.

● Thiết kế mỹ thuật tại Tòa soạn.

● In tại Cty TNHH MTV In báo

Hà Nội Mới; Cty In Ba Đình.

● Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh (thuộc vùng Đông Nam Bộ):

200C Võ Văn Tần, phường Bàn Cờ, TP Hồ Chí Minh.

*ĐT: 0903941211 * Email: phuongethaoha@gmail.com

● Văn phòng đại diện tại tỉnh Lào Cai (thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc):

581 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

*ĐT: 0914433388 * Email: dieuphamplvn@gmail.com

● Văn phòng đại diện tại TP Hải Phòng (thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng):

10A Hồ Sen, phường Lê Chân, TP Hải Phòng.

*ĐT: 0973465555 * Email: vanphongplvn@gmail.com

● Văn phòng đại diện tại TP Đà Nẵng (thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung):

Tầng 3, số 271 Nguyễn Văn Linh, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

*ĐT: 0903029099 * Email: quangtam07@gmail.com

● Văn phòng đại diện tại tỉnh Gia Lai (thuộc vùng Tây Nguyên):

92 Hoàng Văn Thụ, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*ĐT: 0914876019 * Email: longbc07@gmail.com

● Văn phòng đại diện tại TP Cần Thơ (thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long):

109 Trần Văn Hoài, phường Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

*ĐT: 0913601551 * Email: tranphongtranplvn@gmail.com

Liên hệ thông tin - quảng cáo:

Nguyễn Sinh Hùng - ĐT: 0349610152

MÃ ĐẶT BÁO: B51

Giá: 7.300Đ

(BẢY NGHÌN BA TRĂM ĐỒNG)